

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §112

Phần II của Logic học: Học thuyết về Bản chất

Ba tiểu đoạn (§§112, 113, 114) dẫn nhập và cho một cái nhìn tổng quan về lĩnh vực mới mẻ của tư tưởng: lĩnh vực Bản chất. Vì tầm quan trọng của chúng trong việc tìm hiểu phần II này (và cũng vì cách viết quá cô đọng, khó hiểu của Hegel), trước hết, ta thử lần lượt phân tích từng câu một của tiểu đoạn §112 trong phần *Chính văn* và, sau đó, bàn thêm về phần *Nhận xét*.

- ... “*Bản chất là Khái niệm với tư cách là Khái niệm đã được thiết định*”...

Như đã nói, Khái niệm là thực tại duy nhất tự triển khai thông qua ba lĩnh vực của Ý niệm logic: Tồn tại, Bản chất và Khái niệm. Câu 1 này xác định vị trí của lĩnh vực Bản chất bằng cách so sánh với hai lĩnh vực kia: Tồn tại và Khái niệm:

- Trong logic học về Tồn tại, Khái niệm chỉ mới tự triển khai trong sự trực tiếp của cái *tự-mình* của nó. Vì thế, các mối quan hệ hợp nhất chuỗi bất liên tục của những phạm trù của Tồn tại chỉ là ngoại tại.
- Ngược lại, Bản chất (viết hoa, để chỉ toàn bộ một lĩnh vực) là Khái niệm với tư cách là Khái niệm *được thiết định*, nghĩa là, được minh nhiên hóa, được “thiết định ra bên ngoài”, đi ra khỏi tính tự-mình, khiến cho những phạm trù – trong đó Bản chất thể hiện – mang trong lòng chúng dấu vết của *tính quan hệ* giữa chúng với nhau (chứ không phải chỉ cho một sự phản tư từ bên ngoài) của tính nội tại trong vận động phản tư của Bản chất, đề, cuối cùng, được tiếp thu vào trong tính phủ định tuyệt đối (= phủ định của phủ định) của Khái niệm (đúng nghĩa).
- So với trạng thái nguyên thủy và trực tiếp của Khái niệm như là Tồn tại, đây là một *sự tiến bộ*, nhưng so với những quy định của Khái niệm xét như là Khái niệm (phần III), cần thấy rõ sự

khiếm khuyết, nghèo nàn của những quy định của Khái niệm với tư cách là Bản chất. Thật thế, trong Bản chất, những quy định chỉ đơn thuần *tương quan* với nhau, nghĩa là chỉ được *thiết định* chứ chưa phải như là *cho-mình*, tức, chưa phải là sự **tự**-quy định hay sự **tự**-thiết định vô hạn, chưa phải là *được phản tư vào trong chính mình* một cách tuyệt đối giống như những quy định của Khái niệm (ở cấp độ sau), trong đó mọi sự phản chiếu trong-cái khác, hay đúng hơn, mọi sự phản tư-trong-cái khác đều là một sự phản tư-trong-chính mình (giống như ánh sáng đặt trước tấm gương, phản chiếu vào tấm gương nhưng hình ảnh ấy không ngừng quay lại với chính nó, nghĩa là tự-phản chiếu hay tự-phản tư trong chính mình ngay khi tự đi ra khỏi mình).

Ta cần lưu ý: trong §83, ta đã gọi Bản chất là tồn tại-**cho mình**, theo nghĩa là cơ sở độc lập tự chủ của mọi sự hiện hữu, nhưng, trong cái **tồn tại**-cho mình ấy, nó vẫn còn là cái gì (tồn tại) trực tiếp, tương quan với *về ngoài* (*Schein*), là nơi nó tự trung giới trong sự hữu hạn, vì thế, chưa phải là đã được phản tư-trong-chính-mình một cách tuyệt đối trong hình thức của một cái **cho-mình** tuyệt đối (như cấp độ của “Khái niệm”).

- ***Bản chất như là tồn tại tự trung giới mình với mình bởi tính phủ định chính mình***

Câu thứ hai này cũng nói lên nét chung của lĩnh vực Bản chất, nhưng nhấn mạnh chủ yếu đến *cái bên trong* của bản thân Bản chất chứ không quy chiếu đến hai lĩnh vực khác là Tồn tại và Khái niệm như câu trước. Về mặt ngôn ngữ, hình thức của Bản chất vẫn còn tạm thời vay mượn thuật ngữ của lĩnh vực trước đó là Tồn tại. Vì thế, ở câu này, ta thấy có một số thuật ngữ trong định nghĩa về Bản chất ở cuối §111 trước đây, chủ yếu là câu “*Bản chất là tồn tại tự trung giới mình với mình*”*. Hiểu như sự

* Cùng theo nghĩa đó, ta tìm thấy các định nghĩa sau đây về *Bản chất* trong các tác phẩm của Hegel: - “Bản chất là cái độc lập tự chủ *tồn tại* trong chừng mực nó tự trung giới với mình bởi sự phủ định của nó với mình; vậy, bản chất là sự thống nhất của tính phủ định tuyệt đối và tính trực tiếp” ([Đại] Khoa học Lôgic II, 11d-12a); - “Bản chất là *tồn tại* với tư cách là *tồn tại đơn giản với mình* thông qua sự thủ tiêu sự tồn tại” (nt, I, 398c); hoặc, còn chính xác hơn nữa: “Bản chất là *Tồn tại được tái lập*

trung giới với mình, Bản chất quan hệ với mình đồng thời quan hệ với cái khác. Quan hệ với mình ở đây là quan hệ của cái Vô hạn đích thực, trở thành cái *cơ chất* cho mọi quy định của Tồn tại, và do đó, những quy định này, từ nay, không còn là những bộ phận cấu thành trực tiếp (như ở trong lĩnh vực Tồn tại) mà chỉ là những mômen mang *tính ý thể* (*Ideel*) hay bị thủ tiêu, thải hồi. Rồi, ngay với tính cách của tính ý thể và sự thủ tiêu, thải hồi ấy, *cái khác* trực tiếp – mà Bản chất quan hệ và đồng thời cũng là quan hệ với mình – thực ra không phải là một cái khác thực sự (như trong lĩnh vực Tồn tại), tức, không còn là một cái *đang tồn tại* (*Seiendes / what is / étant*) mà là cái gì *được thiết định* và *được trung giới*. (Một ví dụ dễ để hình dung: khi chiếc chong chóng quay tròn, mỗi điểm của ngoại vi không phải là bộ phận cấu thành *trực tiếp* (tồn tại) mà chỉ là quy định có tính “ý thể, được thiết định và được trung giới” bởi sự trùng hợp với chính mình của vận động xoay tròn trong từng “mômen” của vòng quay).

Nói cách khác, thay vì có một sự bền vững tự-mình của cái Khác trực tiếp trong lĩnh vực Tồn tại, thì cái Khác ở trong Bản chất chỉ có “*tính khẳng định*” (*Positivität*) trong chừng mực là một mômen của tính phủ định vô hạn như là cái tự-mình đích thực. Nó được tính phủ định vô hạn này “*thiết định*” như một mômen lập tức bị thủ tiêu, thải hồi; và cũng lập tức *được trung giới* bởi tính [vận] động tuyệt đối này, và bản thân nó – trong tính ổn định phù du – chỉ là *vẻ ngoài* (*Schein / shine / semblance / l'apparence superficielle*) mà thôi.

- **“Tồn tại không bị tiêu biến... [nhưng] bản chất là tồn tại như là “ánh hiện” [trở thành vẻ ngoài] ở trong chính mình.**

Câu thứ ba này có hai nội dung:

- Tồn tại đã không biến mất, trái lại, bản chất, trong chừng mực là quan hệ đơn giản với mình, là tồn tại. (Chữ “bản chất” bây giờ không viết hoa để chỉ một phạm trù trong lĩnh vực Bản

trong sự thống nhất đơn giản với mình, thoát ra khỏi sự trực tiếp và khỏi mối quan hệ đứng đưng với cái khác của Tồn tại” (Bài giảng Dự bị triết học / Philosophische Propädeutik, II, 2, §33).

chất). Ví dụ: sự vận động *thuần túy*, trong chừng mực **là** sự vận động thuần túy, là đồng nhất với chính nó, và, theo nghĩa đó, là bất động. Bản chất cũng thế. Trong chừng mực sự phủ định *thuần túy* **là** sự phủ định thuần túy và sự quan hệ đơn giản với chính nó, bản chất có *sự trực tiếp* của tồn tại, và, theo nghĩa đó, **là** tồn tại. Nhưng, có còn phương diện khác nữa:

- Trong bản chất (“Wesen”), tồn tại (Sein) là tồn tại *đã qua* (*das gewesene Sein / the being that is past / l’être passé*). Dựa theo quy định phiên diện trước đây là một cái *trực tiếp thuần túy*, bây giờ, tồn tại *bị hạ thấp xuống* (*herabgesetzt / degraded / rabaissé*) thành một tồn tại *chỉ* mang tính phủ định (trong chữ “herab-gesetzt”, ta gặp lại chữ “gesetzt” / “được thiết định” trước đó). Chữ “*chỉ*” (*nur*) gắn với chữ “mang tính phủ định” cho thấy cái sau được hiểu theo nghĩa bị động của cái gì bị phủ định, chứ không theo nghĩa chủ động của cái phủ định. Nếu trong lĩnh vực trước đây, tồn tại có vẻ là cái gì mang tính khẳng định thì bây giờ “bị hạ thấp xuống” trong quan hệ với bản chất và bởi bản chất. Nó chỉ còn là một “*vẻ ngoài*” (*Schein*). Nhưng, đó là vẻ ngoài **của** bản thân bản chất, vì nó chính là bản thân bản chất trong quy định bị thái hồi của sự tồn tại của nó, tức, của mối quan hệ với chính mình. Đối với bản chất, *vẻ ngoài* từ nay là hình thức hoàn toàn mới mẻ của tồn tại với tư cách là tồn tại “**ÁNH HIỆN**” hay “**HIỆN HÌNH**” trong chính mình (Scheinen in sich selbst), với tư cách là hành vi thuần túy của việc “hiện hình”, “hiện ra” khiến cho tồn tại trực tiếp trong lĩnh vực lôgic trước đây chỉ còn là mômen tĩnh tại, vĩnh viễn bị vượt bỏ, vì thế Hegel viết hết sức cô đọng: “*Bản chất là tồn tại như là ánh hiện ở trong chính mình*”. Ta cần tìm hiểu câu này rõ hơn một chút.
- Bản chất không còn là tồn tại trực tiếp, mờ đục nữa mà là một vận động “*lóa sáng*”: nó là tồn tại trong sự bùng nổ và bành trướng sự “*lóa sáng*” thuần túy. Sự “*lóa sáng*”, “*ánh hiện*” ra khỏi chính mình là đặc điểm riêng của bản chất, do đó, mọi phạm trù của nó đều mang đặc điểm ấy của việc vượt ra khỏi chính mình, của *tính quan hệ* (*Relativität / relationality*) của mỗi cái hướng đến những cái khác, một cách vừa nội tại vừa

minh nhiên. Nói khác đi, bản chất là mối *quan hệ* với sự trực tiếp mà nó là sự phủ định tuyệt đối*.

- Song, sự “ánh hiện” thuần túy của bản chất – như là tính phủ định tuyệt đối – không thể không có “ánh tượng” hay “vẻ ngoài” (Schein) mà nó là sự phủ định. Khi thiết định và phủ định, sự ánh hiện này của bản chất là một sự ánh hiện ở *trong chính mình*, nghĩa là, sự bành trướng và đẩy chính mình lại đồng nhất với một sự quay về với chính mình; nghĩa là, một quan hệ với cái khác đồng nhất với một quan hệ với chính mình. Khi ánh hiện ra trong cái khác – là ảnh tượng của nó –, bản chất chỉ ánh hiện ở trong chính nó (sẽ bàn kỹ ở §115), vì *cái khác của nó lại là bản thân nó trong hình thức của sự trực tiếp*, và, vì thế, chỉ là một mômen của nó, để, thông qua việc phủ định cái khác này, bản chất tự-khẳng định mình trong tính phủ định tuyệt đối của nó. (Ta có thể nói, trong tính phủ định tuyệt đối của bản chất như là sự phủ định của phủ định, bản chất là mômen của sự phủ định *làm công việc phủ định*, còn ảnh tượng hay vẻ ngoài là mômen của sự phủ định *bị phủ định*. Tuy nhiên, cả hai là một và cùng một tính phủ định vô hạn, không có sự phân biệt giữa hai hạn từ ấy).

Phân Nhận xét cho §112:

- *Định nghĩa mới về cái Tuyệt đối: cái Tuyệt đối là bản chất*
- Là phạm trù cơ bản tạo nên nền tảng của mọi tồn tại, bản chất mang lại một định nghĩa mới về cái Tuyệt đối: *cái Tuyệt đối là*

* Hegel dùng chữ “*Schein*” / động từ: “*scheinen*” vì chữ này vừa có nguồn gốc lịch sử (“ảo tượng siêu nghiệm” / “*transzendentaler Schein*” nơi Kant, *Phê phán lý tính thuần túy*, B350 và tiếp) vừa là cách chơi chữ giữa chữ Schein và Sein (tồn tại). Ở đây, ta cần nắm vững nội dung tư biện của chữ này như vừa nói trên: vẻ ngoài hay ảnh tượng (Schein) là *tồn tại* trong chừng mực tồn tại được “nâng cao” trong hình thức tồn tại mới, đó là bản chất. Nó không còn là tồn tại mờ đục trong sự trực tiếp của nó nữa mà là tồn tại đã được “soi sáng”, còn bản chất là sự “chiếu sáng” thuần túy. Trong tiếng Đức, động từ *scheinen* vừa có nghĩa là “sáng lên”, “lóa lên”, vừa có nghĩa là “hiện ra”, “tỏ ra”. Do đó, tạm dịch sang tiếng Việt là: “ánh hiện”, hay “hiện hình”, “hiện ra như vẻ ngoài”, còn *Schein* được dịch là “ảnh tượng”, “vẻ ngoài”. (Xem thêm *chú thích 257* trong bản dịch *Hiện tượng học Tinh thần* về “vẻ ngoài” (Schein) và “hiện tượng” (Erscheinung), BVNS, Sđd, tr. 344-346). Về “*hiện tượng*”, ta sẽ gặp ở §131 và tiếp.

bản chất. Nhưng, bản chất ở đây mới chỉ là sự phủ định đầu tiên đối với tồn tại, do đó chưa được quy định một cách cụ thể, chưa mang lại cho mình một tồn tại-hiện có đúng nghĩa. Nó chỉ mới là tính phủ định thuần túy trong tính đơn giản và trong tính nội tại của mỗi quan hệ với chính mình. Do đó, định nghĩa mới này về cái Tuyệt đối, theo một nghĩa nào đó, cũng không khác gì định nghĩa trước đây rằng *cái Tuyệt đối là tồn tại*, trong chừng mực tồn tại cũng là mỗi quan hệ đơn giản với chính mình. Tuy nhiên, định nghĩa mới này đồng thời là được *nâng cao* hơn so với định nghĩa trước, vì bản chất là tồn tại đã *đi vào trong chính mình* (*das in sich gegangene Sein / being that has gone into itself / l'être qui est allé dans soi*), nghĩa là, tồn tại đã được đào sâu thêm, do đó, tồn tại trước đây chỉ còn là một mômen rời rạc. Như thế, mỗi quan hệ đơn giản với chính mình của bản chất không còn là mỗi quan hệ đơn giản với chính mình của tồn tại nữa, mà là *được thiết định*; là *sự trung giới* (tức: được đặt trong mỗi quan hệ) *giữa mình* (như là ánh tượng trực tiếp) *ở trong mình* (trong và bởi vận động tuyệt đối của tính phủ định thuần túy) *với chính mình* (như là bản chất ngang bằng hay đồng nhất với chính mình trong tính phủ định vô hạn).

- Cái Tuyệt đối bây giờ được xác định như là *bản chất* chứ không còn như là *tồn tại*. Nhưng, bản chất là tính phủ định vô hạn. Nếu ta hiểu bản chất theo kiểu hình dung bằng biểu tượng thông thường, nó chỉ là *hình thức trống rỗng* vì bị tước bỏ hết mọi quy định cụ thể, nghĩa là, tính phủ định có nguy cơ bị ngộ nhận là một sự *trừu tượng (hóa)* khỏi mọi thuộc tính nhất định. Trong trường hợp ấy, sự trừu tượng (và đi kèm với nó là tính phủ định) chỉ còn là một *sự phản tư ngoại tại*, xa lạ với bản thân sự vận động của bản chất. Hành vi phủ định trừu tượng ấy không phải là vận động phủ định của bản thân bản chất mà rơi ra khỏi nó, quy giản nó thành cái *caput mortuum* (xem chú thích cho §44), tức thành cái “cặn bã” của sự trừu tượng, thành một phạm trù cơ bản nhưng trống rỗng và trừu tượng, thành một kết quả trần trụi mà *không có tiền đề* của chính nó, tức không có *sự vận động tự-phủ định* của tồn tại và của mọi quy định.
- Trong khi đó, không phải một sự phủ định *ngoại tại* là đủ để dẫn tồn tại đến chỗ tự đào sâu chính mình, mà là một phép

biện chứng *nội tại* như định nghĩa ở §81 (sự tự thái hồi những quy định hữu hạn và chuyển sang cái đối lập). Tuy bản chất được gọi là *chân lý* của tồn tại (và là sự phủ định của nó) nhưng đó là kết quả của sự tự-phủ định của tồn tại, nghĩa là: không gì khác hơn là tồn tại tự nội tại hóa, tự đi vào trong chính mình, tự phủ định mình trở thành “ánh tượng” hay “về ngoài” hời hợt. Vậy, trong tiến trình trở thành bản chất, tồn tại cho thấy *tính nhị bội* nội tại: sự trực tiếp và sự trung giới ở ngay trong vận động của bản chất. Sự khác biệt giữa “tồn tại-đã-đi-vào-trong-chính mình” (tức: bản chất) và tồn tại trực tiếp là sự vận động biến đổi tính nội tại (“trong chính mình”) thành cái về ngoài hời hợt (“tồn tại”) và ngược lại. Vận động nội tại của bản chất (không còn sự tĩnh tại trực tiếp của tồn tại) gọi là *sự PHẢN TƯ* của bản chất hay sự “*ánh hiện ở trong chính mình*”, hai thuật ngữ biểu thị quy định riêng có của bản thân bản chất. Thế nào là “phản tư”? Khác với tồn tại trực tiếp, bản chất có một sự *tự-vận động nội tại* (*Selbstbewegung / automouvement*: xem Đại Lô gíc học II, 13a). Như đã nói, bản chất là tồn tại với tư cách là “*ánh chiếu ở trong chính mình*”. “Ánh chiếu” (Scheinen) là vận động đi ra khỏi chính mình để quan hệ với cái khác, và, như đã thấy, vận động này là đồng nhất với vận động quay về với chính mình và quan hệ với chính mình (in sich selbst). Và đó cũng chính là nội dung của phạm trù “sự phản tư”. Phản tư là ra khỏi chính mình để đi vào trong chính mình (như hình ảnh phản chiếu lại từ tấm gương hay khi ta “nghĩ đi nghĩ lại” để hiểu một đối tượng). Đó là sự vận động nơi chính mình, sự tự-vận động phản tư của bản chất, như Hegel định nghĩa rõ hơn trong [Đại] Lôgíc học: khác với tồn tại trực tiếp, bản chất là sự phản tư, tức là “vận động của sự trở thành và của sự chuyển sang cái khác mà vẫn ở trong chính mình, là nơi cái được phân biệt chỉ được quy định một cách tuyệt đối như là cái phủ định tự mình, như là *về ngoài* [hay “ánh tượng”]” (II, 13c). Hai mômen của vận động này là: *phản tư-trong-cái khác* và *phản tư-trong-mình*. Khác với lĩnh vực Khái niệm (ở phần III), trong lĩnh vực Bản chất, mômen trước chiếm ưu thế, vì những quy định của nó, như đã thấy, đều ở trong mỗi *trong quan* với nhau, chứ chưa được phản tư ở trong chính mình một cách tuyệt đối như trong Khái niệm (đúng nghĩa).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §113

Hình thức của tính đồng nhất trong bản chất thế chỗ cho sự trực tiếp của tồn tại...

- Như đã thấy ở tiểu đoạn trước, bản chất chỉ là mối quan hệ với chính mình trong chừng mực quan hệ này là quan hệ với cái khác, nhưng, đó là với cái khác được thiết định và được trung giới chỉ như là *vẻ ngoài, ánh tượng*. Đó là sự khiếm khuyết của cả hai đối cực của bản chất: tồn tại chỉ tồn tại như là vẻ ngoài của bản chất, và bản chất chỉ là bản chất của [tồn tại như là] vẻ ngoài.
- Tuy có sự trung giới của mỗi quan hệ với cái khác, nhưng bản chất là *quan hệ với chính mình*. Xét một cách trừu tượng, nghĩa là, một cách cô lập, quan hệ với chính mình trong bản chất là sự trừu tượng hoàn toàn hình thức, hay, nói cách khác, là hình thức của *sự đồng nhất*, của *sự phản tư-ở-trong-mình*. Rồi, do là sự *ánh hiện*, Bản chất là sự phản tư, hướng đến cái khác, tự dị biệt hóa, nhưng sự ánh hiện ấy – tuy không tuyệt đối – vẫn quay lại với chính mình như là sự ánh hiện *ở trong chính mình*, nên, xét một cách cô lập, sự phản tư-ở-trong-mình này của Bản chất cũng là mômen hình thức của *sự đồng nhất* của nó, của mỗi quan hệ *với chính mình*. Thế nhưng, quan hệ-với-chính mình là định nghĩa về *sự trực tiếp của tồn tại*. Do đó, đến từ tồn tại, sự đồng nhất hay sự phản tư-ở-trong-chính mình trong Bản chất bây giờ *thế chỗ* cho *sự trực tiếp* của tồn tại trong lĩnh vực trước đây. Thật thế, cả hai: sự đồng nhất của Bản chất và sự trực tiếp của Tồn tại đều là *cùng những sự trừu tượng* của sự quan hệ-với-chính mình.
- Tuy nhiên, vẫn có một sự khác biệt một trời một vực giữa sự đồng nhất của bản chất với sự trực tiếp của tồn tại (sự “*thế chỗ*” hàm nghĩa một sự khác biệt). Những phạm trù trong Bản chất sẽ là những hình thức trừu tượng tự thể hiện bản thân chúng như là *sự đồng nhất quay trở lại với chính mình*, điều chưa có được trong những phạm trù của Tồn tại: [trong lĩnh vực Tồn tại] chúng bộc lộ khuyết điểm của chúng ở chỗ:

không phải nhờ một sự ánh hiện chủ động trong cái khác một cách nội tại mà chỉ nhờ vào một sự *chuyển sang* hay *quá độ* sang cái khác một cách dửng dưng.

- **Phần Nhận xét: §113**

Đây là *Nhận xét* đáng chú ý:

- Hai sự trừu tượng trên *bình diện siêu hình học* (một bên là sự trực tiếp của tồn tại và bên kia là sự đồng nhất của bản chất) có thể được chuyển sang *bình diện nhận thức luận*, khiến cho tồn tại và bản chất trở thành cặp đối ứng về mặt *nhận thức: cảm năng* và *giác tính*. Khi xem cảm năng và giác tính là hai “quan năng của nhận thức”, ta gặp lại một sự trừu tượng tương tự. Sự “vô-tư tưởng” sẽ *ngoan cố* bám chặt lấy các hình thức trừu tượng của tồn tại và của sự đồng nhất: *cảm năng* xem tất cả những gì hữu hạn và bị hạn chế là *cái đang tồn tại* trực tiếp, không có sự phủ định và thay đổi; *giác tính* thì nắm lấy cái đang tồn tại này như là cái gì *đồng nhất với chính mình*, thoát khỏi tính phủ định của sự khác biệt với chính mình và do đó, *không tự-mâu thuẫn nội tại*. Như ta sẽ thấy ở §§115-116, *sự khác biệt* và *sự mâu thuẫn* là hai quy định của sự phản tư, luôn gắn liền một cách mật thiết với sự đồng nhất.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §114

Cái “không-bản chất” (das Unwesentliche / the unessential / l’inessentiel) và cái [có tính] bản chất” (das Wesentliche / the essential / l’essentiel)

- Một cách nào đó, có thể nói: tư tưởng về bản chất *đến từ* tư tưởng về tồn tại. Vì, ngay từ đầu của sự phát triển lôgic, tư tưởng tự khẳng định trước hết như là “tồn tại”, trong sự trực tiếp của nó. Rồi “sau đó”, do sự trực tiếp tự phủ định, nên tư tưởng tự khẳng định như bản chất, tức như sự trung giới hay tính phủ định vô hạn. Về phương diện trình tự lôgic, bản chất đến từ tồn tại, nhưng trong thực tế, chính bản chất *làm cơ sở*

cho tồn tại vì nó *thiết định* tồn tại như là mômen bị thải hồi trong sự quan hệ đơn giản của nó với chính mình.

- Bản chất “đến từ” tồn tại nên thoát đầu xuất hiện trong sự trực tiếp của mối quan hệ-với-mình, trong sự trừu tượng của sự phản tư-trong-chính mình, tức, trong một sự đồng nhất với chính mình; nói khác đi, phục hồi *sự trực tiếp* của tồn tại ở cấp độ bản chất.
- Với tư cách ấy, bản chất bị tác động hay bị “dính chặt” với những quy định của *tồn tại*. Đối lập với sự trực tiếp của tồn tại, bản chất thoát đầu xuất hiện ra như một sự trực tiếp *khác*, cũng “tồn tại” giống như tồn tại. Cả hai trở thành hai cái “khác” của nhau, với tính ngoại tại và tính hữu hạn vốn thuộc về quy định của tồn tại, hay, đúng hơn, của *tồn tại-hiện có* (*Dasein / Being-there / l'être-là*). Theo nghĩa đó, bản chất-đồng-nhất-với-mình quan hệ với tồn tại giống như *cái gì ngoại tại* quan hệ với *một cái ngoại tại*. Tồn tại quan hệ với bản chất giống hệt như trong lĩnh vực tồn tại-hiện có, một cái-gì-đó (*Etwas / something / Quelque-chose*) ở bên cạnh một cái khác. Nếu cái-gì-đó ngoại tại này được nắm lấy một cách cô lập, tách rời với bản chất, nó được gọi là “**cái không-bản chất**”.
- Nhưng, mối quan hệ ngoại tại như thế giữa cái *tồn tại-không bản chất* với cái tồn tại khác, gọi là **cái có tính bản chất** (hay bản chất) là không ổn, không đứng vững. Vì lẽ, bản chất – do tính phủ định chính mình – là tồn tại tự-trung giới với chính mình; nó là “tồn tại-trong-chính mình”, là “cái có tính bản chất” trong chừng mực nó có bên trong nó cái phủ định chính mình, tức, như §112 đã nói, có trong chính nó mối quan hệ với cái khác (hay sự “trung giới”), nghĩa là, có sự “biến đổi” lĩnh vực tồn tại, khiến cho cái khác chỉ là một “vẻ ngoài”, một “ánh tượng” của nó. Bản chất không thể quan hệ với cái không-bản chất của vẻ ngoài như với cái-gì-đó ở bên ngoài. Ngược lại, theo định nghĩa, nó có cái phủ định của chính nó ở bên trong nó, nghĩa là có cái không-bản chất như là *vẻ ngoài hay ánh tượng của riêng nó*.
- Hành vi thuần túy của sự trung giới tiền-giả định một hạn từ trực tiếp để nó trung giới. Do đó, luôn có một *sự nhân đôi* hay

hóa đôi (*Verdoppelung*) ở trong lòng bản chất, nghĩa là có một sự phân biệt hay một sự dị biệt hóa giữa hai hạn từ. Vì thế, Hegel viết: ... “*Ở trong việc ánh hiện hay trong việc trung giới có chứa đựng một việc phân biệt*” (“*Das Unterscheiden ist enthalten im Scheinen oder Vermitteln / there is a distinguishing contained in the shining or mediating / le différencier est contenu dans le paraître ou le médiatiser*). Cái được phân biệt ở đây là vẻ ngoài, ánh tượng. Nó đến từ sự đồng nhất của bản chất và tạo nên một trong những mômen của bản chất, nhưng nó *không tồn tại*, nói rõ hơn, nó không tồn tại ở trong sự đồng nhất này, bởi sự đồng nhất này là sự đồng nhất của sự phủ định tuyệt đối, qua đó mọi tồn tại trực tiếp đều bị *hạ thấp xuống* thành một tồn tại đơn thuần mang tính phủ định, thành một vẻ ngoài. Nó *không tồn tại* mà chỉ có mặt đơn thuần như vẻ ngoài, ánh tượng. Bản chất “*ánh hiện*” (*sheint*) trong ánh tượng này như trong một mômen của nó mà thôi.

- Trong ánh tượng (hay trong cái được phân biệt này), ta thấy rõ hai nét tiêu biểu của bản chất: tính phủ định và tính trực tiếp. Tính phủ định biến nó thành một vẻ ngoài đơn thuần. Đồng thời, tính trực tiếp mang lại cho nó một hình thức trừu tượng của sự đồng nhất, *như thế* cái gì thuộc về tồn tại. Vậy, cái được phân biệt, cái vẻ ngoài hay cái không-bản chất này mang tính *nghịch lý*: có sự tự tồn của một tồn tại trực tiếp, nhưng lại là phủ định, không tồn tại ngay trong lòng bản chất. Đúng hơn, đây không phải là một nghịch lý (Paradox) mà là **sự mâu thuẫn (Widerspruch / contradiction)** cấu tạo nên lĩnh vực Bản chất.
- Do đó, Hegel kết luận: lĩnh vực Bản chất trở thành một miếng đất phức tạp của “*một sự nối kết bất toàn [không hoàn hảo] giữa sự trực tiếp và sự trung giới*”. Tại sao là “bất toàn”? Ta hãy thử so sánh với lĩnh vực Khái niệm ở phần III. Trong lĩnh vực của Khái niệm, sự trung giới **sẽ là** sự trực tiếp trong một sự liên tục tuyệt đối và tương hỗ: cái *phổ biến* sẽ tiếp tục một cách tuyệt đối ở trong cái *đặc thù*, và sự thống nhất-đôi lập của hai mômen này sẽ tạo nên Khái niệm trong mômen *đơn nhất* của sự khai triển bản thân và của tính phủ định tuyệt đối. Trái lại, ở đây, trong lĩnh vực Bản chất, *sự mâu thuẫn này chỉ được thiết định chứ chưa được giải quyết*. Sự mâu thuẫn ấy tự thể

hiện trong Bản chất bằng một cái “**Cũng**” giản đơn, một sự nối kết theo kiểu “đặt bên cạnh nhau” trừu tượng, và, từ giác độ ấy, là một sự nối kết *bất toàn* giữa sự trực tiếp và sự trung giới. Mọi mômen có tính bản chất hay không-bản chất đều *được thiết định* như là quan hệ với mình [*sự trực tiếp*], và “*đồng thời đã đi ra khỏi sự trực tiếp ấy [sự trung giới]*”, nghĩa là như tồn tại được trung giới để một cái khác “ánh chiếu” vào, và, ngược lại, “ánh chiếu” trong cái khác.

- Trong lĩnh vực Tồn tại trước đây, sự mâu thuẫn này đã có mặt nhưng chỉ mới là “*tự-mình*” (mặc nhiên); nó tự giấu mình đằng sau những sự quá độ đột ngột và sự luân phiên của phạm trù này sang phạm trù kia; còn thiếu sự liên tục và sự *tương quan* trong đó việc “ánh chiếu” qua lại của mọi phạm trù vào trong nhau có thể mang hình thức *minh nhiên* của sự mâu thuẫn, vì không có sự tương quan thì cũng không có sự mâu thuẫn. Sự mâu thuẫn ấy (mỗi phạm trù, vd: nội dung, hình thức, khả năng, tất yếu, nguyên nhân, kết quả... là một *tồn tại* nhưng lại hướng đến phạm trù kia, tự phản tư / phản chiếu trong đó, ánh chiếu trong đó, vì thế, là *một tồn tại của sự phản tư*), như đã nói, chỉ mới *được thiết định* chứ *chưa được giải quyết*, nghĩa là chưa có được nguyên tắc *phổ biến và tự do* để có được tính khả niệm tuyệt đối [tính có thể hiểu được] về mọi quy định đặc thù.

- **Phản Nhận xét cho §114**

Phản Nhận xét này có nhiều điểm đáng chú ý:

- Trong sự phát triển của Bản chất, ta gặp lại chính những quy định trong sự phát triển của Tồn tại trước đây. Nhưng, chỗ khác biệt, như đã nói, là: trong Bản chất, những quy định không còn mang hình thức của sự trực tiếp như trong Tồn tại mà dưới hình thức *được phản tư*, nghĩa là, chúng phản chiếu nhau, quan hệ với nhau nhưng không đi khỏi chính mình. Trong Tồn tại, ta có các phạm trù trực tiếp của tư tưởng là *tồn tại* và *hur vô* trực tiếp. Phép biện chứng vận hành ở đó là sự quá độ song đôi của cái này sang cái kia trong hình thức bất liên tục của việc chuyển sang nhau đột ngột và trực tiếp. Trong Bản chất, tình hình khác hẳn. Thế chỗ cho *tồn tại* và *hur vô*, ta

có các phạm trù đầu tiên của Bản chất trong hình thức của *cái khẳng định* và *cái phủ định*. (Gọi cái khẳng định và cái phủ định là “*các hình thức*” vì chúng thoát đầu là *các hình thức* của sự phân tư thuần túy của Bản chất *trước khi* chuyển hóa thành *sự hiện hữu* (§§123 và tiếp).

- *Cái khẳng định* thoát tiên (như sẽ thấy ở tiểu đoạn sau) thể hiện trong hình thức trừu tượng nhất của *sự đồng nhất* (§115). Nhưng, dù là sự đồng nhất đơn giản, nó chỉ tương ứng với “*tồn tại thuần túy*” của lĩnh vực Tồn tại trong chừng mực đưa cái sau lên một cấp độ logic cao hơn. Thật thế, tồn tại không thực sự đối lập với hư vô, giữa hai cái không có *mối quan hệ* nào (xem lại: §88). Ngược lại, sự đồng nhất *hướng đến* sự khác biệt vì chỉ có sự đồng nhất khi có sự phân biệt, và hơn thế nữa, cái khẳng định luôn gắn liền với cái đối lập của nó là cái phủ định, giống như hai cực của một nam châm.
- Cũng thế, *cái phủ định* thoát đầu thể hiện trong hình thức trừu tượng nhất của *sự khác biệt* (§116), tương ứng với hư vô trong lĩnh vực Tồn tại. Nhưng, khác với hư vô còn bị bao bọc trong sự trực tiếp, không có quan hệ và không có sự đối lập, cái phủ định là cái gì *đã phát triển*, là sự phân tư-trong-cái-khác, tức trong cái khẳng định mà nó vốn gắn liền. Rồi tiếp tục cũng thế, trong Bản chất, *cơ sở* (*Grund / Ground / fondement*) tương ứng với *sự trở thành* trong lĩnh vực Tồn tại. Nhưng, trong khi *sự trở thành* “*sự đổ*” lập tức trong *tồn tại-đang-có* như là kết quả trực tiếp của nó, thì *cơ sở* lại làm cơ sở cho tồn tại-đang-có, vì cơ sở, do bản tính của nó, chỉ là cơ sở trong chừng mực nó là cơ sở cho *cái-gì-đó*, hay, nói khái quát hơn, cho *tồn tại-hiện có* trong chừng mực tồn tại-hiện có – thoát thai từ cơ sở và được cơ sở thiết định – không còn mang hình thức đơn giản, trực tiếp của tồn tại-hiện có nữa, trái lại, mang hình thức được phân tư của *sự hiện hữu* (§123). (Chữ “*sự hiện hữu*” / Existenz, như sẽ thấy, nói lên mối quan hệ xuất phát từ nguồn gốc, cơ sở (“*ex*”) để từ đó có sự tự tồn (Ex-sistenz).
- Hegel bảo Học thuyết về Bản chất là phần *khó nhất* của Logic học, chứa đựng chủ yếu những phạm trù của Siêu hình học cổ truyền (chẳng hạn: cơ sở hay lý do tồn tại, bản chất và hiện hữu, chất liệu và hình thức, khả năng và tất yếu v.v...) cũng

như những phạm trù của các khoa học nói chung (chẳng hạn: sự vật và các thuộc tính của nó, lực và sự ngoại tại hóa của nó, nguyên nhân và kết quả v.v...). Nhưng, “khó” ở đây không chỉ có nghĩa là “khó hiểu” mà còn là *khó* ở việc khắc phục tính cứng nhắc và phiến diện của chúng.

- Thật thế, các phạm trù này của Siêu hình học và các khoa học là sản phẩm của *giác tính phản tư* theo định nghĩa ở §80, nghĩa là, sản phẩm của tư duy bám chặt lấy các quy định cứng nhắc, cố định, chúng được phân biệt trong mối quan hệ với những sản phẩm khác nên thường được xem như những sự khác biệt *độc lập-tự tồn*.

- Song, trong chừng mực giác tính thiết định các phạm trù, nó *mặc nhiên* bước vào mômen “biện chứng” (theo định nghĩa ở §81), tức, thừa nhận sự tự-thủ tiêu của những quy định hữu hạn và sự chuyển sang những cái đối lập của chúng. Từ đó, giác tính sẽ trên đường đi đến *lý tính*. Nhưng, sai lầm của giác tính là dừng lại ở sự nối kết đơn giản giữa hai phương diện “độc lập tự tồn” và “tính quan hệ”; nó tự vừa lòng với việc đặt hai phương diện này bên cạnh nhau bằng một cái “*Cũng*” đơn giản, thay vì tập hợp cả hai cái đối lập vào trong một nhất thể cụ thể của Khái niệm. Nói khác đi, giác tính chưa giải quyết được sự mâu thuẫn do chính nó thiết định nên bằng một sự *tự-trung giới* và *tự-quy định hoàn hảo* như cấp độ của Khái niệm sau này.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §115

Các quy định thuần túy của sự phản tư: 1. Sự đồng nhất

- “*Các quy định thuần túy của sự phản tư*” là gì? Để trả lời câu hỏi ấy, ta cần có cái nhìn khái quát về nội dung của mục A: “*Bản chất như là cơ sở của sự hiện hữu*”.

Ta biết rằng Logic học về Tồn tại đã cho thấy chân lý đúng thật của Tồn tại là Bản chất như là vận động thuần túy của tính phủ định và sự trung giới. Mục A này của Logic về Bản chất sẽ cho thấy: chân lý của Bản chất trong vận động của sự phản tư thuần túy của nó lại là sự quay trở lại với *sự trực tiếp* của Tồn tại nhưng là của *Tồn tại mang tính bản chất*, nghĩa là của *sự hiện hữu* thoát thai từ Bản chất như là từ *cơ sở* của nó. Sự hiện hữu này sau đó sẽ thể hiện như là *sự vật* (§125), rồi sẽ được thiết định như là *hiện tượng* (§131, đầu mục B) trong chừng mực hiện tượng được suy tưởng một cách minh nhiên như là sự hiện hữu **của** Bản chất.

Vậy, trước khi đi đến với sự hiện hữu, rồi sự vật, trước hết cần suy tưởng về vận động *thuần túy* của sự phản tư của Bản chất *ở bên trong chính bản thân nó*, là nơi Bản chất chưa có các quy định nào khác ngoài những gì được thiết định bởi sự *ánh hiện thuần túy* (*reines Scheinen / pure shining / pur paraître*) ở *trong chính mình* (*in sich / in itself / dans soi-même*) của Bản chất. Đó chính là “*các quy định thuần túy của sự phản tư*”, đối tượng tìm hiểu của mục A. Trong khuôn khổ giới hạn ấy, quy định thuần túy đầu tiên của sự phản tư – trong đó Bản chất tự quy định một cách hoàn toàn *vô-quy định* – là: **sự đồng nhất**, nhan đề của §115. Hai quy định thuần túy còn lại của sự phản tư là sự *khác biệt* (§116) và *cơ sở* (§121).

- Sau hai tiểu đoạn dẫn nhập (§§113-114) khi Bản chất được suy tưởng trong mối quan hệ song đôi của nó với lĩnh vực Tồn tại

và lĩnh vực Khái niệm, bây giờ là vận động riêng của bản chất trong việc *ánh hiện ở bên trong chính mình*.

Trong việc ánh hiện bên trong chính mình của bản chất, cần phân biệt hai phương diện: phương diện “*ánh hiện*” và phương diện “*trong chính mình*” (tức “*nội tại*”). Phương diện chủ đạo của bản chất là “*ánh hiện*” (Scheinen); chính nhờ đó mà bản chất là bản chất chứ không còn là tồn tại (Sein). Chính phương diện này, khi đẩy đến tận cùng, sẽ xác định phần trung tâm của Logic học về Bản chất, đó là Logic học về “*hiện-tượng*”, tức của việc “*xuất hiện ra*” (*Er-scheinung / apparition*), là nơi bản chất xuất hiện hoàn toàn thành cái đối lập của nó là sự trực tiếp của *hiện hữu* (mang tính) *hiện tượng*. Trong khi đó, ngược lại, phương diện “*nội tại*” (“*trong chính mình*”) thể hiện ở hai thể cách:

- thể cách còn nghèo nàn ở bên trong chính mình, đó là: *sự ánh hiện trong mình* (*Scheinen in sich / in itself / dans soi*): **sự đồng nhất**.
- thể cách phong phú hơn ở bên trong chính mình, đó là: *sự ánh hiện trong chính mình* (*Scheinen in sich selbst / inward / dans soi-même*): **sự khác biệt**. Cần lưu ý cách viết rất chính xác và tế nhị ấy của Hegel: “*ánh hiện trong chính mình*” (*in sich selbst*) có nghĩa: khi ánh hiện ra khỏi chính mình vào trong tồn tại trực tiếp, bản chất thực ra chỉ ánh hiện **trong chính mình** (*in sich selbst*) mà thôi, vì tồn tại trực tiếp ấy chỉ là “*ánh tượng*”, “*về ngoài*” như sẽ thấy ở §116 và tiếp.
- Trước hết, hãy xét việc bản chất *ánh hiện trong mình*. Ở trong mình, bản chất có cái tồn tại-khác bị thủ tiêu, hay, ánh hiện thuần túy. Ánh hiện thuần túy cũng là vận động của sự phản tư, vậy, bản chất là sự phản tư *thuần túy* và *trừu tượng* (trương đương với “*tồn tại-thuần túy*” của cấp độ trước, nhưng cao hơn). Nó là sự phản tư mà không có những hạn từ được phản tư, là sự phản tư chỉ phản tư chính mình, chưa có những cái “*hiện hữu*” trực tiếp như từ §113. Hiểu trong tính thuần túy sơ khởi ấy, bản chất chỉ là mối quan hệ *với mình*, là sự trực tiếp đơn giản. Nhưng, nó là “*sự trực tiếp đơn giản như là sự trực*

tiếp được thủ tiêu” (Đại Logic học, II, 26b), vì sự quan hệ với mình ấy là sự quan hệ với mình *của sự phản tư*, tức của cái đối lập tuyệt đối của sự trực tiếp, hay nói cách khác, là sự trung giới tuyệt đối, tức chỉ *quan hệ* hay chỉ *tương quan* với vận động ánh hiện trong mình của bản chất.

- Được nắm bắt bằng cách ấy, bản chất là sự **ĐỒNG NHẤT VỚI MÌNH** (chú ý: “với mình” / *mit sich* / *avec soi* chứ chưa phải là “với chính mình” / *mit sich selbst* / *avec soi-même* như ở sự khác biệt hay sự dị biệt hóa ở sau, vì đó sẽ là dị biệt hóa *mình với chính mình!*). Phạm trù này cho thấy tính hai nghĩa tư biện của mômen được bàn ở đây: cái gì đồng nhất với mình có nghĩa phải có quan hệ với mình. Đồng thời, quan hệ *với mình* tiên-giả định một sự *vận động* đồng nhất hóa. Do đó, sự nhất trí với mình của bản chất không được suy tưởng *như là* trực tiếp mà như là được phản tư hay có tính ý thể.
- Khi chỉ ánh hiện trong mình, bản chất tự xác định và ánh hiện trong các quy định của sự phản tư thuần túy (sự đồng nhất, sự khác biệt, cơ sở). Theo giác độ ấy, sự đồng nhất thuần túy thoát đầu là bản thân bản chất trong tính toàn thể sơ khởi và trừu tượng, và, do đó, hoàn toàn vô-quy định. Và đó cũng chính là chỗ *phiến diện* của nó. Sự quy định của nó chỉ mới là cái Toàn bộ còn vô-quy định của sự phản tư của bản chất. Trong đó, tính toàn thể trực tiếp của sự phản tư tự thiết định chính mình như là mômen bộ phận và tự-quan hệ với mình. (Trong lĩnh vực Tồn tại trước đây, tồn tại-thuần túy cũng có sự vô quy định tuyệt đối. Nay, trong Bản chất có sự khác biệt cơ bản: sự phản tư đồng nhất thuần túy với mình *thiết định* cho bản thân một đặc tính nhất định và phiến diện của sự vô quy định và tính toàn thể. Trong “Tồn tại”, chỉ có sự “quá độ” đột ngột và bất liên tục của tồn tại-thuần túy sang hư vô, thì trong “Bản chất”, sự quá độ có hình thức nội tại của một vận động phản tư, hay, đúng hơn, tự-phản tư của việc ánh hiện “*trong mình*”).

- Phần “Nhận xét” cho §115

- Từ phạm trù đầu tiên của sự phản tư, rút ra định nghĩa mới về cái Tuyệt đối: “*Cái Tuyệt đối là đồng nhất với mình*”. Định nghĩa này sẽ là đúng thật, với điều kiện:

- Sự đồng nhất không được suy tưởng trong sự trừu tượng, đối lập lại những quy định khác của bản chất;
- Sự đồng nhất đúng thật của cái Tuyệt đối là sự đồng nhất *cụ thể* và chỉ là một mômen của tiến trình tự dị biệt hóa của bản chất.
- Hiểu trong tính toàn thể cụ thể như thế, sự đồng nhất của tư tưởng trước hết sẽ là *cơ sở* (§121), tức là mômen của bản chất khi nó được thiết định rằng bản chất chỉ đồng nhất với mình khi tự dị biệt hóa trong cái Khác mà nó là cơ sở. Rồi, từ §§158-159, còn được phát triển lên cấp độ cao nhất là *Khái niệm*, tức mômen của Ý niệm khi mômen ấy được thiết định rằng Ý niệm là một vũ trụ chỉ khẳng định tính đơn nhất trong sự đồng nhất với mình trong chừng mực nó phủ định tính đặc thù. Đây chỉ mới là “dự đoán” và sẽ còn được triển khai sau này.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §116

2. Sự khác biệt (*Unterschied / distinction / différence*)

- Trong chừng mực ánh hiện *trong mình* và, do đó, là sự phản tư *thuần túy*, bản chất, như vừa thấy ở §115, là sự đồng nhất thuần túy với mình. Trong quan hệ ấy, nó rơi trở lại vào trong sự trực tiếp của tồn tại và *là tồn tại ở trong chính mình*. Nhưng, như đã biết, tồn tại đã bị hạ thấp xuống thành vẻ ngoài, ánh tượng. Vậy, với tư cách là sự đồng nhất thuần túy thì bản chất là một vẻ ngoài, ánh tượng đơn giản ở trong chính mình.
- Tại sao? Bản chất là sự đồng nhất thuần túy vì nó là sự phản tư thuần túy; còn nó là vẻ ngoài, ánh tượng trong chính mình vì nó ánh hiện trong mình. Sự đồng nhất dựa vào vận động của sự phản tư, còn vẻ ngoài, ánh tượng dựa vào vận động của việc ánh hiện. Cả hai xuất hiện trên cái nền chung là tính phủ định vô hạn và không gì khác hơn là mômen của sự trực tiếp được thiết định bởi

việc quay về với mình và việc trùng hợp với mình của tính phủ định của bản chất. Vậy, bản chất chỉ là sự đồng nhất thuần túy và là vẻ ngoài, ánh tượng trong chính mình trong chừng mực nó là tính phủ định quan hệ với mình.

- Thế nào là “*bản chất là tính phủ định quan hệ với mình*”? Nội dung tư biện của nó là ở chỗ: ta gặp lại ở đây tư tưởng về sự quan hệ phủ định với mình của cái phủ định, và, qua đó, của sự dị biệt hóa của *cái Một* với chính mình (xem lại: phạm trù “*đẩy*” ở §97). Nhưng, chỗ khác căn bản là: phép biện chứng (trước đây) của *cái Một* diễn ra trong khuôn khổ *trực tiếp* của tồn tại, còn bây giờ phép biện chứng của *sự đồng nhất* diễn ra trong khuôn khổ *phản tư* của việc ánh hiện *trong cái khác* ở trong mình.
- Bản chất đồng nhất là tính phủ định quan hệ với mình, nhưng: quan hệ với mình của *tính phủ định* là quan hệ *phủ định* với mình, nghĩa là, vận động thuần túy của việc **dị biệt hóa mình với chính mình**. Với tư cách ấy, bản chất là hành vi tuyệt đối của việc *tự đẩy mình ra khỏi chính mình*, tức: thiết yếu chứa đựng quy định của sự *KHÁC BIỆT* [hay *PHÂN BIỆT*], hiểu theo nghĩa tích cực, chủ động của hành vi *dị biệt hóa* chứ không theo nghĩa bị động, tiêu cực của cái gì được phân biệt.
- Tính phủ định là đặc điểm cơ bản làm cho bản chất là bản chất chứ không còn là tồn tại nữa. Bản chất chỉ đồng nhất với mình, chỉ mang trong mình vẻ ngoài của tồn tại trong chừng mực nó khác biệt với mình. Nhưng, sự tự-dị biệt hóa này không gì khác hơn là vận động thuần túy của “tính phủ định tự quan hệ một cách phủ định với mình”; tức là vận động thuần túy phủ định, nghĩa là, không dựa vào hạn từ cố định hay đang tồn tại nào, mà đi từ cái phủ định này đến cái phủ định kia, và, như thế, là “đi vào trong chính mình”. Nói cách khác, khi tự quan hệ với mình một cách phủ định, tức, khi tự phủ định, tính phủ định của bản chất hoàn tất việc làm của nó và tự phủ định trong cái đối lập của nó, tức trong sự đồng nhất với mình. Hay, nói cách khác nữa, khi đẩy chính mình, bản chất không thiết định cái gì ngoài cái đối lập với sự đẩy ấy, tức, sự quay trở lại chính mình một cách phản tư như trong một vận động vòng tròn. Bản chất dị biệt hóa với mình một cách tuyệt đối, tức cũng là đồng nhất với mình, vì sự đồng nhất là cái

gì khác biệt với sự khác biệt. Tóm lại, bản chất dị biệt hóa một cách tuyệt đối.

- Trong vận động vòng tròn của sự phản tư thuần túy, sự khác biệt (như là một quy định phản tư) là mômen dị biệt hóa, là “sự tiến lên” của tính phủ định; trong khi đó quy định kia là quy định của sự đồng nhất là mômen quay về với mình, trùng hợp với mình một cách khẳng định hay tiến trình đồng nhất hóa. Hai mômen này tự trung giới lẫn nhau và ánh hiện trong nhau vì: sự đồng nhất là sự đồng nhất của sự khác biệt, và sự khác biệt là sự khác biệt của sự đồng nhất! Nói rắc rối theo kiểu Hegel: hai quy định phản tư này vừa tuyệt đối, vừa “tương đối” hay “tương quan”, nghĩa là: mỗi cái vừa là cái toàn bộ bao hàm cái kia như là chính mình, vừa là một mômen nhất định của cái toàn bộ quay về với mômen kia.

- **Phản Nhận xét cho §116**

- Sự dị biệt hóa ngụ ý có một *cái tồn tại-khác (Anderssein)* như kết quả của việc bản chất tự đẩy mình ra khỏi chính mình. Chỉ có điều, cái tồn tại-khác được tạo ra ở đây (trong lĩnh vực Bản chất, tức trong lĩnh vực của sự trung giới và sự phản tư) không còn giống như trong lĩnh vực Tồn tại. Cái “khác” không còn là một cái gì tồn tại mà là cái gì *được thiết định* và *được trung giới*, cho nên, “tồn tại-khác” cũng thay đổi ý nghĩa.
- Tồn tại-khác ở đây không còn là tồn tại-khác của phạm trù *Chất* trước đây, tức không còn mang hình thức tồn tại của “*ranh giới*” (xem lại: §§90-92). Bây giờ, nó là cái gì *tự-tạo ra* trong bản chất, trong đó sự trực tiếp bị hạ thấp xuống thành một vẻ ngoài đơn thuần. Chẳng hạn, sự đồng nhất và sự khác biệt không bị “giới hạn” bởi nhau mà còn được *liên kết* hay được *quy chiếu* một cách minh nhiên bằng sợi dây phủ định của *sự khác biệt* với nhau, của tồn tại-được thiết định, được trung giới bởi nhau. Tồn tại-khác không diễn ra trên mảnh đất *tĩnh tại* của tồn tại như là sự nối kết bên cạnh nhau của hai cái đang tồn tại mà trên mảnh đất *năng động* của sự phản tư: sự đồng nhất không chỉ khác với sự khác biệt và bị giới hạn mà khác theo nghĩa nó được chính sự vận động của sự khác biệt thiết định và trung giới để rồi thu hồi vào trong sự khác biệt như một mômen của chính sự khác biệt; và, ngược lại, sự đồng nhất, đến lượt nó, thiết định sự khác biệt như là vẻ

ngoài của chính mình. Sau đây, trong bốn tiểu đoạn (§§117-120), ta sẽ theo dõi “phép biện chứng của sự khác biệt”.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §117

Biện chứng của sự khác biệt

Biện chứng của sự khác biệt sẽ được chia làm hai giai đoạn:

- sự khác biệt *trực tiếp* (§§117-118)
- sự khác biệt *nơi bản thân nó* (*an sich selbst / in its own self / en soi-même*) hay sự khác biệt *có tính bản chất*.

Bây giờ, ta đi vào sự khác biệt *trực tiếp*:

- Sự khác biệt là quy định riêng có của sự phản tư bao hàm hai mômen: sự khác biệt như là sự khác biệt và sự đồng nhất như là sự đồng nhất. Nhưng, như ta đã thấy, bản thân *mỗi* mômen cũng là cái toàn bộ của sự phản tư. Ngay trong lòng của việc được cái kia thiết định và quan hệ với cái kia, mỗi cái có sự “tự mãn” của việc quan hệ với chính mình và phản tư trong mình. Sự khác biệt – một khi mang trong mình hai mômen hoàn toàn được phản tư trong chính chúng – thì sự khác biệt *tuyệt đối* (*Unterschied / difference*) của bản chất kết thúc và đánh mất mình ở trong *sự KHÁC NHAU* (*Verschiedenheit / diversity / diversité*), tức trong tình trạng của sự trực tiếp như là kết quả (hoàn tất) của tiến trình dị biệt hóa của bản chất (chú ý cách chơi chữ: *Verschiedenheit / sự khác nhau* trong tiếng Đức có nghĩa: *sự khác biệt / schieden* đã được “đẩy đến tận cùng” / “*ver*”). Nói cách khác, sự khác biệt tuyệt đối (bản tính của bản chất) sẽ trở thành sự khác biệt *trực tiếp* hay *sự khác nhau* khi hai mômen của nó định hình trong khuôn khổ trực tiếp của sự đồng nhất với mình (phản tư trong mình hay quan hệ với mình). Sự khác nhau, do đó, là hình thức của sự khác biệt thoát đầu triển khai theo thể cách của sự đồng nhất. Nói rõ hơn, hai mômen của sự khác biệt tuyệt đối (sự đồng

nhất và sự khác biệt) không dị biệt hóa với nhau, không quan hệ với nhau (dù là chỉ bổ sung cho nhau), trái lại, mỗi bên quay về với chính mình trong một sự tự mãn tự túc tuyệt đối.

- Trong *sự khác nhau* hay trong sự khác biệt *trực tiếp* (tức sự khác biệt trong chừng mực bị khống chế bởi sự độc lập tự tồn trực tiếp của hai mômen của nó), mỗi bên (sự đồng nhất và sự khác biệt) là *tồn tại cho mình* (*Fürsichsein*). Chữ “tồn tại cho mình” cho thấy rõ: cái “cho mình” (sự vô hạn) thủ tiêu tính quan hệ của mỗi mômen với mômen còn lại và rơi vào cấp độ trực tiếp của *tồn tại-cho mình*, mâu thuẫn trực diện với quy định nền tảng của bản chất (là sự phản tư và quan hệ với cái khác). Nó cũng báo hiệu rằng, vận động của bản chất sẽ lại tái xuất hiện với tất cả sức mạnh trung giới của tính phủ định của nó.
- Trong khi chờ đợi, mỗi hạn từ (trong khuôn khổ của *sự khác nhau*) là cho-mình và, do đó, là *dừng dừng* (*gleichgültig / indifferent*) đối với quan hệ của nó với cái khác, vì nó mang hình thức (tạm thời) của một cái toàn bộ đã hoàn tất nơi bản thân nó.
- Thế nhưng, sự quan hệ với cái khác không vì thế mà mất đi, trái lại, trở thành *nội tại* trong mỗi mômen; nói cách khác, trở thành sự *tự-quan hệ*. Tính quan hệ trong sự phản tư của chúng bị thủ tiêu trong sự vô hạn trực tiếp của cái tồn tại-cho mình của chúng. Vì thế, tính quan hệ hay sự quan hệ với cái khác tái xuất hiện như là mối quan hệ **ngoại tại** giữa chúng với nhau (nhớ lại sự “tái xuất hiện” của *cái Một* loại trừ trong *cái Nhiều* ở §96 và của độ (*Grad / degree*) trong quy định ngoại tại với những độ khác ở §104).
- Sự phản tư cũng trở thành sự phản tư *ngoại tại*, trở thành “tù binh” của sự trực tiếp *dừng dừng* của mỗi mômen, nên rơi ra bên ngoài chúng và trở thành một hạn từ *thứ ba* làm công việc *SO SÁNH* (*Vergleichendes / comparing / comparant*). Hạn từ thứ ba này không gì khác hơn là sự phản tư của bản thân bản chất, trở thành sự so sánh *từ bên ngoài*.
- Sự so sánh hay sự phân biệt *ngoại tại* ấy làm gì khi vừa liên kết vừa phân ly sự đồng nhất và sự khác biệt? Hai mômen của

sự khác biệt tuyệt đối (là sự khác biệt và sự đồng nhất) vừa đồng nhất vừa không đồng nhất! Chúng là đồng nhất vì cả hai là cái toàn bộ của sự phản tư của bản chất, tức của tính phủ định quan hệ với mình. Chúng là không-đồng nhất vì, trong cái toàn bộ ấy, mômen thứ nhất (sự đồng nhất) nói lên sự nhất trí với mình của sự vận động phản tư, trong khi mômen thứ hai (sự khác biệt) nói lên bản thân sự vận động như là sự tiến lên. Sự khác biệt ngoại tại thể hiện ra như là sự đồng nhất lẫn như là sự không-đồng nhất của các hạn từ được sự phản tư ngoại tại này đặt vào mối quan hệ. Trong trường hợp thứ nhất, ta có sự *GIỐNG NHAU* hay sự *NGANG BẰNG NHAU* (*Gleichheit*), trong trường hợp thứ hai, ta có sự *KHÔNG-GIỐNG NHAU* hay sự *KHÔNG-NGANG BẰNG NHAU* (*Ungleichheit*). Sự giống nhau là hình thức của sự khác biệt trong chừng mực hai hạn từ (sự đồng nhất và khác biệt) là đồng nhất trong một quan hệ nào đó, còn sự không-giống nhau là hình thức của sự khác biệt trong chừng mực nó phân biệt một cách ngoại tại rằng, trong một quan hệ nào đó, chúng là không đồng nhất. (Chữ *Gleichheit* / *equality* / *egalité* nên hiểu là sự “giống nhau” hơn là sự “ngang bằng nhau” vì chữ sau có âm hưởng về một sự so sánh về *lượng*).

- Vậy, ở cấp độ phản tư ngoại tại (xác định sự khác biệt như là sự khác nhau), sự giống nhau và sự không-giống nhau tách rời với nhau và đồng cứng trong tính ngoại tại và dừng dừng, xuất phát từ *các cách nhìn khác nhau* về cùng các hạn từ ấy. Tiêu đoạn sau (§118) sẽ cho thấy: sự phản tư ngoại tại này là không đứng vững; và các hạn từ được so sánh theo kiểu như thế thực ra sẽ quan hệ với nhau bằng một sự phản tư *nội tại* quy định chúng một cách tuyệt đối (“nơi-chính chúng”) và trong mỗi quan hệ qua lại.

- Phần Nhận xét của §117

- Sự so sánh (tức tạo nên một quan hệ ngoại tại của việc giống nhau và không giống nhau giữa sự đồng nhất và sự khác biệt) diễn ra trong vận động vòng tròn của sự phản tư của bản chất, vì thế việc phân lập thành những “phía”, những “cách nhìn” như thế là sự phân lập trừu tượng của *giác tính*. Kết quả của việc phân lập này là gì?

- Ta có hai “phía” hay hai phương diện: sự giống nhau và sự không giống nhau. Nắm một cách trừu tượng và cô lập với sự không-giống nhau, sự giống nhau thuần túy chính là điều đã gặp trước đây: sự đồng nhất thuần túy với mình của sự phản tư. Cũng thế, sự không-giống nhau – được nắm lấy một cách trừu tượng và cô lập với sự giống nhau – là tách rời phương diện ánh hiện trong chính mình. Trong khi đó, vấn đề là phải thiết lập sự quan hệ giữa sự đồng nhất và sự khác biệt chứ không phải rơi trở lại vào trong sự khác nhau trực tiếp, nguyên thủy. Vì thế, biện chứng này chỉ được giải quyết ở cấp độ cao hơn.
- Sự phát triển tiếp theo sẽ cho thấy: cái tồn tại-cho mình của mỗi phía sẽ mất đi tính chất “tồn tại” (cứng nhắc) của nó, sẽ được quy định bởi quan hệ phủ định và tương quan giữa hai phía. Nói cách khác, sẽ có một sự nối kết trọn vẹn và hoàn chỉnh hơn giữa sự trực tiếp và sự trung giới đúng theo đòi hỏi của Logic học về Bản chất. Điều này sẽ được đặt ra ở §119 với Biện chứng của *cái khẳng định* và *cái phủ định*, và được báo hiệu ở §118 khi nó giới thiệu khái niệm về *sự khác biệt nhất định*, tức một sự khác biệt không còn là *sự vô-quy định* nguyên thủy của sự khác biệt tuyệt đối (§116), và cũng không còn là *sự dừng dưng* của sự khác biệt trực tiếp như là *sự khác nhau* (§117).

Ta sẽ làm việc với một Cái-gì-đó có sự khác nhau *ơi chính nó*, tức sự khác nhau không chỉ là sự khác nhau đơn giản. Đó là ý nghĩa của sự “*khác biệt nội tại*” mà Leibniz đã nói trong §9 của quyển “*Đơn tử luận*” (*Monadologie*).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §118

- Khi sự giống nhau và không giống nhau bị sự phản tư *ngoại tại* xem là “dừng dưng”, tức “rơi ra bên ngoài nhau”, trở thành sự khác biệt *trực tiếp* hay *sự khác nhau* đơn thuần, tư duy tư biện bị rơi vào tình trạng “bê tắc” tạm thời. Mục §118 cho thấy rõ điều này.

- Thật thế, sự giống nhau thực ra không phải là sự đồng nhất *thuần túy* giữa cái này với cái kia mà chỉ là sự đồng nhất *giữa* các hạn từ *không phải là cùng một cái*. Điều này mặc nhiên bao hàm trong bản thân khái niệm “*sự giống nhau*”: chỉ có sự giống nhau khi so sánh giữa các hạn từ không giống nhau! Nói cách khác, chỉ có sự giống nhau trong quan hệ hay trong mối tương quan với sự không-giống nhau. Ngược lại cũng thế: chỉ có sự không-giống nhau trong tương quan với sự giống nhau, bởi sự không-giống nhau chỉ có khi các hạn từ có thể được đối chiếu, so sánh với nhau. Điều này cũng bao hàm ngay trong bản thân khái niệm: “*sự không-giống nhau*”.
- Như thế, cả hai không còn rơi vào chỗ “dừng dưng” với nhau trong các “phía”, các “cách nhìn” khác nhau, trái lại cái này là một sự “ánh hiện” trong cái kia và ngược lại. Mỗi cái quan hệ với cái kia, ánh hiện trong cái kia, đồng thời không mất đi sự nội tại của việc ánh hiện của nó ở trong chính mình, vì cái này quan hệ với cái kia *ngay trong* chính chúng và *bởi* chính chúng.
- Vậy, toàn bộ lĩnh vực của sự “*khác nhau*” (*Verschiedenheit / diversity*) đã được thả trôi, và cấp độ phát triển cao hơn sẽ chỉ giữ lại (hay “bảo lưu”) mômen “cho-mình” độc lập-tự tồn của các hạn từ, nhưng thủ tiêu mômen nối kết kiểu “dừng dưng” và ngoại tại.
- Nói khác đi, sự khác nhau không còn là sự khác nhau *đơn giản* mà là **sự khác biệt của sự phản tư**, diễn ra trên miếng đất của Bản chất chứ không phải của Tồn tại nữa. Đó là sự khác biệt, nơi đó mỗi hạn từ được phân biệt (sự đồng nhất và sự khác biệt) có mặt thông qua một vận động dị biệt hóa, bảo toàn cả hai mômen của sự phản tư: sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác. Sự khác biệt vừa phân ly, vừa nối kết sự đồng nhất và sự khác biệt như thế sẽ là một **SỰ KHÁC BIỆT NƠI-CHÍNH NÓ** (*an sich selbst / in its own self / en soi-même*) và là một **SỰ KHÁC BIỆT NHẤT ĐỊNH** (*bestimmte / determinate / déterminée*), có nghĩa là các hạn từ *thiết yếu* tương quan với nhau.
- Nhưng, quy định này không phải được áp đặt từ bên ngoài: sự khác biệt nhất định (tự-quy định) là *nơi-chính nó*, là một sự *tự-khác biệt*. Cần chú ý: chữ “nơi-chính nó” (*an sich selbst*) ở đây không phải là cái “*tồn tại-tự mình*” (*An-sich-Sein*) của §91 nữa.

Tất nhiên, sự khác biệt nơi-chính nó quả là một sự khác biệt sơ khai theo nghĩa nó chỉ xuất phát từ hạn từ “sự khác biệt”, nhưng – khác với “tồn tại-tự mình” của Lôgíc học về Tồn tại –, nó chỉ có ý nghĩa trong sự quy định của việc tồn tại-cho-cái khác. Chính điều này tạo nên *sự khác biệt bản chất* hay *sự khác biệt có tính bản chất* như sẽ bàn từ §119.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §119

Cái khẳng định (das Positiv), cái phủ định (das Negativ) và sự đối lập (Gegensatz / opposition)

- Vậy, sự khác biệt nơi-chính nó (*an sich selbst / in its own self / en soi-même*) được §118 đặt ra, là gì? §118 đã cho câu trả lời: bắt đầu từ §119, sự khác biệt sẽ không còn là một sự khác biệt *trực tiếp*, tức, theo thể cách của sự đồng nhất (tiêu biểu của lĩnh vực Tồn tại) mà sẽ là sự khác biệt của *sự phản tư*, tức, theo thể cách tiêu biểu của lĩnh vực Bản chất, đó là của *tính tương quan*, của việc ánh hiện-ở-trong-cái khác, của sự khác biệt *đúng nghĩa*. Nói gọn, sự khác biệt nơi-chính-nó là sự khác biệt [mang tính] *bản chất*, chứ không còn là sự khác biệt *không-bản chất*, phục tùng sự trực tiếp và sự vô-quy định của tồn tại như ở §117.
- Tính “*bản chất*” thể hiện ở đâu? Ở chỗ: hai mômen của sự khác biệt tuyệt đối của bản chất (của tính phủ định vô hạn) không còn là hai mômen “rơi ra” khỏi nhau trong một sự đứng đưng đối với nhau mà đúng là *hai mômen* theo nghĩa chặt chẽ của từ này, nghĩa là, hai “tồn tại-được thiết định” hoàn toàn có tính tương quan với nhau đối với sự vận động *duy nhất* của sự phản tư *thiết định* chúng và *làm cho* chúng quan hệ hoàn toàn với nhau.
- Vừa **đồng thời** được nắm lấy trong sự tự mãn-tự túc của sự tồn tại-cho-mình của chúng **và** trong sự khiếm khuyết (ban đầu) của tính (phải) tương quan với nhau và phủ định nhau, sự đồng nhất và sự khác biệt, từ nay, thể hiện như là hai **cực** của sự khác biệt *nơi-chính-nó* (vì thể cũng gọi là sự khác biệt *nhất*

định, được quy định), đó là: cái KHẮNG ĐỊNH (“*duong*”) và cái PHỦ ĐỊNH (“*âm*”). Cái khẳng định và cái phủ định là hai “sự quy định” đúng nghĩa, tuy mang tính “bộ phận” (hay “tương quan”) nhưng vẫn “độc lập tự tồn” của sự phản tư: sự phản tư cũng không còn là một sự quan hệ thuần túy (không có các hạn từ được liên kết lại) mà là sự phản tư thực tồn của hai quy định cụ thể.

- Cái “khẳng định” – giống như mọi sự đồng nhất – phân lập mômen tĩnh tại trực tiếp, kết quả của sự nhất trí với mình trong vận động của sự phản tư. Vậy, cái “khẳng định” là mômen được “thiết định” như là kết quả của mối quan hệ với mình, là quan hệ với mình của sự đồng nhất của sự phản tư thuần túy. Cũng thế, cái “phủ định” phân lập mômen tự-đẩy chính mình, qua đó bản chất tự dị biệt hóa với mình: Hegel gọi đó là “*cái được phân biệt*” hay “*được dị biệt hóa*” (*das Unterschiedene / the distinct / le différencié*) tồn tại “cho mình”, nghĩa là, mômen thuần túy của sự dị biệt hóa.
- Nhưng, điều mới mẻ là: cái khẳng định và cái phủ định chỉ “khôi phục” sự đồng nhất và sự khác biệt trước đây bằng cách đặt chúng vào mối quan hệ và sự độc lập-tự tồn của chúng chỉ tự khẳng định thông qua tính tương quan của việc chúng phủ định lẫn nhau:
 - cái khẳng định là quan hệ đồng nhất với mình, nhưng theo kiểu *không phải* là cái phủ định.
 - cái phủ định là khác biệt cho-mình, nhưng theo kiểu *không phải* là cái khẳng định.

Nói rõ hơn: mỗi cái chỉ là “cho mình” trong chừng mực *không phải là cái kia*; mỗi cái chỉ quan hệ với mình khi quan hệ với cái kia; chỉ “là” (một tồn tại) của “sự phản tư” (§114), tức một “tồn tại” ánh hiện trong cái kia và cái kia ánh hiện trong nó. Nói ngắn, mỗi cái *ánh hiện* trong cái kia và chỉ “*có*” trong chừng mực cái kia “*có*”. Nói rắc rối hơn: cái kia phải “*có*” để cái này không phải là cái kia và, nhờ đó, cũng “*có*”.

- Hai cái (hai hạn từ được phân biệt) không còn được thiết định một cách đơn giản (cái này đối diện hay bên cạnh cái kia trong sự khác nhau thuần túy), trái lại, chúng được thiết định cùng với **và** chống lại cái kia trong một quan hệ tiền-giả định **và**

phủ định lẫn nhau. Nói gọn: chúng là các cái “*đối lập*” nhau, dưới hình thức quan hệ hợp nhất (một cách phủ định) một đối cực không phải với bất kỳ hạn từ nào mà với cái khác nhất định **của nó**, tức với đối cực kia.

- Vậy, sự khác biệt đích thực của bản chất là sự *ĐỐI LẬP* (*Gegensatz / opposition*). Ta phân biệt:
 - trong lĩnh vực Tồn tại, các hạn từ khác nhau *chuyển sang* nhau bằng cách nối kết với nhau bằng cách nào đó;
 - trong lĩnh vực Bản chất ở đây, chúng *đối lập* với nhau khi phản tư trong nhau như là hai hạn từ của một vận động phản tư duy nhất của Bản chất;
 - trong lĩnh vực Khái niệm (như ta sẽ thấy ở phần III), các hạn từ khác biệt chỉ tự dị biệt hóa khi kết hợp với nhau trong sự tự do của một sự phát triển duy nhất và một sự liên tục tuyệt đối của cái này trong cái kia.
- Sự “*nội tại*” (*Immanenz*) này của việc triển khai của Khái niệm đã báo hiệu ở đây trong việc: cái khác (cái kia) của mỗi hạn từ không còn là **một** cái khác nói chung mà là cái khác *CỦA NÓ*. Thêm vào đó, tính lưỡng cực (*Polarität*) cũng báo hiệu cho thấy *tính trôi chảy* tuyệt đối của những quy định của Khái niệm về sau này.
- Tuy nhiên, trong cấp độ hiện nay của bản chất, vẫn còn thiếu việc thiết lập sự đồng nhất *tuyệt đối* giữa mỗi quan hệ với mình và mỗi quan hệ với cái khác. Nói khác đi, trong bản chất, cái khác của mỗi cái khác là cái khác **của nó**, nhưng cái khác này chưa được thiết định như là sự tự-liên tục đồng nhất và tuyệt đối của cái trước. Chúng vẫn còn được thiết định một cách “*tương đối*” hay “*tương quan*” với cái khác trong một quan hệ loại trừ của sự phủ định.
- Tóm lại, sự khác biệt của bản chất là *sự đối lập* một cách đơn giản chứ chưa phải là *sự đặc thù hóa nội tại* của Khái niệm. Tuy nhiên, đã là một sự tiến bộ lớn khi sự khác biệt là một *sự đối lập [có tính] bản chất*, theo đó cái được phân biệt hay cái khác (*das Unterschiedene / le différencié*) không đối diện với *một cái khác nói chung* mà với cái khác *của nó*. Nói cách khác, mỗi cái chỉ có sự quy định *của chính mình* trong quan hệ với cái khác.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §120

Từ “**Đôi lập**” (Gegensatz / opposition) đến “**Mâu thuẫn**” (Widerspruch / contradiction)

Ba tiểu đoạn §§120, 121 và 122 nói lên bước ngoặt biện chứng quan trọng từ hai quy định phản tư thuần túy (sự đồng nhất và sự khác biệt) sang sự hợp nhất trong quy định phản tư thuần túy thứ ba là “*cơ sở*” rồi chuyển hóa thành “*sự hiện hữu*” (§123) nhưng Hegel lại viết quá cô đọng, do đó, ta cần dành cho chúng một sự tìm hiểu khá cặn kẽ.

- Cho tới nay, sự khác biệt [mang tính] bản chất chỉ mới thể hiện ở chỗ: mỗi hạn từ (sự đồng nhất / sự khác biệt; cái khẳng định / cái phủ định) bao hàm đồng thời sự khẳng định và sự phủ định cái khác *của nó*. Tiểu đoạn §120 sẽ đi **từ đôi lập** sang sự **mâu thuẫn** bằng cách cho thấy:
 1. mỗi cái chứa đựng cái khác không phải là nó như thế nào?
 2. khi loại trừ cái khác, nó tự loại trừ chính mình, và, do đó, tự-mâu thuẫn như thế nào?
- Đối với điểm 1 (cái phủ định cũng là cái khẳng định nơi chính nó và ngược lại) đã được nêu trong phần Nhận xét của §119 về quy định theo đó mỗi cái *đôi lập* với cái khác như là với cái khác *của nó*. Chữ “*của*” này cho thấy sự tùy thuộc và sự bao hàm tương hỗ ngay trong lòng sự loại trừ khi đôi lập hai hạn từ. Điều được gọi lên ở §119 thì bây giờ được trình bày minh nhiên ở các dòng đầu của §120.
- Cái khẳng định là một cái “khác” [cái được phân biệt] (ein Verschiedenes / a diverse / un “divers”), nhưng không phải là cái “khác nhau” theo nghĩa của §117 (tồn tại cho-mình và đứng dung với quan hệ ngoại tại với cái khác), vì nó chỉ tự xác định như là quan hệ đồng nhất với mình trong *sự đôi lập* lại

với cái phủ định vốn không phải là nó. Nó không đứng vững với mỗi quan hệ của nó với cái khác. Vậy, *cái khẳng định* chỉ là một cái “khác” theo nghĩa *mâu thuẫn* vì nó là cái “khác” tồn tại cho-mình nhưng đồng thời *không* đứng vững với mỗi quan hệ với cái khác *của nó*. Để làm nổi bật sự mâu thuẫn, Hegel một mặt nhấn mạnh các chữ “cái khẳng định”, “cái khác” (cái được phân biệt) cho thấy sự đồng nhất và sự trực tiếp tồn tại cho-mình của cái khẳng định; mặt khác là các chữ “không” và “quan hệ với cái khác của nó” cho thấy tính phủ định là nội tại nơi cái khẳng định theo kiểu: cái khẳng định cũng có tính phủ định ngay nơi nó, và, như thế, là tự mâu thuẫn.

- Cái phủ định cũng thế, cái phủ định cũng là cái khẳng định nơi bản thân nó: Hegel nhấn mạnh chữ “phủ định” nói lên sự khác biệt thuần túy và sự trung giới tuyệt đối của cái phủ định, đồng thời thêm các chữ: “quan hệ với mình”, “tồn tại cho-mình” cho thấy sự nhất trí khẳng định với mình và sự độc lập tự tồn trực tiếp của cái phủ định.
- Thoạt nhìn, tưởng như cái phủ định ít tự-mâu thuẫn hơn cái khẳng định, nhưng thực ra sự đồng nhất với mình của cái phủ định càng tăng cường tính khẳng định và sự mâu thuẫn nội tại của cái phủ định.
- Sau những gì đã trình bày, cả hai (cái khẳng định và cái phủ định) đều được thiết định minh nhiên. Cả hai là mâu thuẫn nơi chính mình, vì chúng chỉ có sự độc lập-tự tồn đứng vững và loại trừ cái kia là nhờ vào mỗi quan hệ với cái kia. Trong [Đại] Khoa học Lôgíc (II, 60b), Hegel viết: “*Các cái đối lập chứa đựng sự mâu thuẫn trong chừng mực: dưới cùng một giác độ, chúng quan hệ với nhau một cách phủ định hay thủ tiêu lẫn nhau và [đồng thời] cùng đứng vững đối với nhau*”.
- Cái khẳng định tự khẳng định một cách mâu thuẫn trong sự đồng nhất với cái phủ định. Còn cái phủ định càng đẩy chính mình bằng cách loại trừ ra khỏi mình mọi tính khẳng định thì nó càng “khẳng định”, càng hoàn thành “sứ mệnh” của nó, tức, càng tự khẳng định tích cực trong sự đồng nhất với mình (như là cái phủ định), càng tăng cường tính phủ định của mình. Nói cách khác, chính cái phủ định minh chứng sắc bén sự mâu thuẫn nội tại nơi các quy định của sự phản tư, qua đó, chúng

chỉ là chúng khi không phải là chúng, và, do đó, cái phủ định – còn rõ hơn cả cái khẳng định – là sự mâu thuẫn *được thiết định*.

- Không phải một sự so sánh ngoại tại mới phát hiện sự đồng nhất của các cái đối lập thuần túy này và phơi bày sự mâu thuẫn của chúng. Trái lại, cái khẳng định và cái phủ định chỉ là “cho-mình” trong chừng mực mỗi cái là sự thủ tiêu tích cực cái kia và chính mình. Cái khẳng định là sự phủ định cái phủ định, do đó, bản thân có tính phủ định, và, khi thủ tiêu cái phủ định, nó cũng thủ tiêu chính mình. Cũng thế, cái phủ định là sự phủ định cái khẳng định, qua đó, nó tự khẳng định sự đồng nhất với mình, tức, khi thủ tiêu cái khẳng định, nó cũng thủ tiêu chính mình. Vậy, mỗi cái là khẳng định và phủ định, là “một cái” (*dasselbe / la même chose*) và mỗi cái là cùng một sự mâu thuẫn minh nhiên của việc mình loại trừ chính mình. Qua tiến trình ấy, chúng “*sụp đổ*” cả hai vào trong cái sẽ là *cơ sở của sự hiện hữu*. Hegel lại chơi chữ: “*zu Grunde gehen*” vừa có nghĩa đen là “*đi xuống tận cơ sở*”, vừa có nghĩa bóng là “*sụp đổ*”, “*tiêu vong*” (*zugrunde gehen*).
- Cái khẳng định và cái phủ định là hai quy định đối lập, trong đó sự phản tư độc lập-tự tồn *duy nhất* của bản chất tự-thiết định. Nhờ sự tự-thủ tiêu của các quy định của sự phản tư, bản chất – được thiết định hay được quy định một cách mâu thuẫn trong chúng – bây giờ lại được thiết định, nhưng được thiết định như là cái gì từ nay không còn được thiết định nữa và như thế, là ở ngay nơi *cơ sở* của tất cả những gì được thiết định. Nói khác đi, bản chất tự đặt mình vào sự tương quan ở trong sự đối lập mâu thuẫn của cái khẳng định và cái phủ định: khi thủ tiêu cái phủ định, nó thiết định cái phủ định, và cũng thế, sự phản tư của bản chất chỉ là khẳng định trong chừng mực nó phủ định cái khẳng định và, qua đó, hoàn thành (một cách khẳng định) tính phủ định của mình. Vậy, sự thống nhất độc lập-tự tồn của bản chất là ở chỗ: nhờ sự phủ định chính mình (chứ không phải phủ định cái khác) mà bản chất là *đồng nhất với mình* (câu 2 của §120). Nói cách khác, vận động phản tư của bản chất không còn được nắm lấy trong tương quan với tồn tại mà từ đó nó ra đời như từ *cơ sở* của mình (như trong §§11-114) mà là được thiết định như cái gì không được thiết

định, nghĩa là như **cơ sở** của chính nó và như là **cơ sở** cho tất cả những gì được thiết định bởi nó và ở trong nó.

- Phần đầu của §120 thiết lập bước quá độ sang *cơ sở* xuất phát từ sự mâu thuẫn của hai quy định (cái khẳng định và cái phủ định), tạo nên các hạn từ đối cực của sự khác biệt trong chính nó hay có tính bản chất. Nhưng, *một cách trực tiếp* (đầu câu 2), nghĩa là không quá độ bằng sự trung giới minh nhiên của cái khẳng định và cái phủ định, sự khác biệt bản chất chỉ là sự khác biệt của mình với chính mình. Tại sao? Sự khác biệt bản chất không còn tiến hành một sự phản tư ngoại tại như trong lĩnh vực Tồn tại mà tiến hành một vận động của việc tự-quy định. Sự mâu thuẫn diễn ra trong vận động *duy nhất* của bản chất. Trong mọi trường hợp, ta thấy: cái khẳng định chứa đựng cái phủ định vốn không phải là nó và ngược lại; sự khác biệt chứa đựng sự đồng nhất vốn không phải là nó và ngược lại. Kết quả của sự mâu thuẫn giữa các cái đối lập này là: cái đối lập, trong bản chất, nói chung, là cái gì chứa đựng bản thân nó và cái khác của nó, bản thân nó và cái đối lập của nó. Các kết quả này được diễn đạt trong câu cuối cùng của §120: “*Tồn tại-trong mình của bản chất, được quy định như thế, là Cơ sở*” (*Das Insichsein des Wesens, so bestimmt, ist der Grund / The being-within self of essence, determined in this way, is Ground / L'être-dans-soi de l'essence, ainsi déterminé, est le fondement*). Khái niệm này về “*Cơ sở*” sẽ được bàn ở §121.
- Trước khi bước vào §121, ta **ôn lại** các bước đã qua:
 - Cả mục A của Học thuyết về Bản chất: “*Bản chất như là cơ sở cho sự hiện hữu*” có mục đích cho thấy rằng chân lý của bản chất trong vận động nội tại của sự phản tư và sự trung giới thuần túy [sẽ] là việc **quay trở lại với sự trực tiếp của tồn tại** (ở cấp độ cao hơn là “**sự hiện hữu**”) mà bản chất thoát đầu đã phủ định với tư cách là vận động tuyệt đối của tính phủ định.
 - Vì thế, mục A mở đầu bằng một nghiên cứu về vận động *thuần túy* này của sự phản tư của bản chất ở **bên trong chính-mình**, là nơi bản chất không có các quy định nào khác hơn là các quy định do nó thiết định nên bằng sự *ánh chiếu thuần túy trong chính mình*. Đó là đối tượng nghiên cứu của tiểu mục a: “*Các quy định thuần túy của sự phản tư*”.

- Bắt đầu từ §115, ta đã theo dõi phép biện chứng của hai quy định thuần túy đầu tiên của sự phản tư, trong đó thể hiện sự *tồn tại-trong-mình (Insichsein)* của bản chất trong chính nó: sự đồng nhất và sự khác biệt, rồi sau cùng là cái khẳng định và cái phủ định.
- Kết quả của phép biện chứng này là sự đồng nhất mâu thuẫn của hai quy định thuần túy này của sự phản tư. Tiếp theo là chân lý của sự phản tư thuần túy, đó là sự *mâu thuẫn* và sự sụp đổ của nó. Điều được phát hiện trong sự mâu thuẫn và sự sụp đổ này là: chân lý của sự phản tư của bản chất trong chính mình không phải là cái khẳng định, không phải là cái phủ định, không phải sự đồng nhất, cũng không phải là sự khác biệt mà là sự *thống nhất* của cả hai trong chừng mực sự thống nhất này *tự-mâu thuẫn* và *tự thái hồi*.
- Sự thống nhất của cả hai, tức sự phản tư thuần túy của bản chất trong chính mình và sự trung giới thuần túy, là *cơ sở chung* cho mỗi cái, nhưng chính sự phản tư hay sự trung giới của bản chất tự mâu thuẫn và tự thái hồi. "*Tồn tại-trong-mình*" – hay tính nội tại phủ định của bản chất – được xác định theo cách do chính mình và xuất phát từ chính mình như thế, sẽ tự thái hồi và chuyển sang *cái đối lập của nó là sự trực tiếp của hiện hữu*, chính là *CƠ SỞ*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §121

CƠ SỞ: quy định thuần túy thứ ba của sự phản tư (của bản chất)

Hegel viết phần *Chính văn* cho §121 này quá cô đọng, vì thế, ta cần quảng diễn rộng một chút trước khi đi vào tìm hiểu hai câu ngắn ngủi nhưng rất khó ấy:

- *Cơ sở* là chân lý và đồng thời là sự thống nhất của cái khẳng định và cái phủ định giống như *sự trở thành* là chân lý và sự thống nhất giữa tồn tại thuần túy và hư vô thuần túy trong lĩnh vực Tồn tại trước đây. Nhưng, như ta sẽ thấy: có sự khác biệt rất lớn giữa hai trường hợp: tuy cả hai đều là sự biến động thuần túy tự-mâu thuẫn, nhưng *sự trở thành* rơi vào trong sự tĩnh tại của *tồn tại-hiện có* (§89) (thế chỗ cho nó một cách trừu tượng), còn *cơ sở* lại quy chiếu chính mình – bằng một sự liên kết nội tại – đến *sự hiện hữu* (§122) sẽ đi ra từ nó và, ngay trong lòng của sự trực tiếp của hiện hữu, sự hiện hữu quay trở lại với nó như với cơ sở của mình. Nhưng, trước hết, ta hãy đi từng bước.
- Sự mâu thuẫn của cái khẳng định và cái phủ định là ở chỗ mỗi cái là độc lập-tự tồn vì nó loại trừ triệt để cái khác, nhưng, ngay trong mối quan hệ loại trừ ấy, mỗi cái lại tương quan với cái kia và thậm chí, chuyển sang cái đối lập của mình. Việc phân tích sự mâu thuẫn này sẽ cho thấy kết quả không phải là cái hư vô hay sự bế tắc của tư tưởng mà là sự độc lập-tự tồn hoàn hảo của sự phản tư hay của Bản chất trong việc phủ định hay loại trừ chính mình. Ta thử xem xét lại từng cái:
- Với tư cách là quy định độc lập-tự tồn của sự phản tư, cái khẳng định *phủ định* cái phủ định bằng cách loại trừ nó. Nhưng, như thế là nó tự “tương đối hóa” hay “tương quan hóa” nó bằng sự liên kết với cái phủ định mà nó loại trừ. Tuy là cái khẳng định, nhưng bản thân nó là có tính *phủ định*. Khi phủ định cái phủ định, cái khẳng định đồng thời thiết định cái

phủ định và thải hồi nó. Vậy, ngay trong việc loại trừ cái khác của nó, nó là cái khác này. Từ đó, nó ở trong một sự thống nhất khẳng định và độc lập-tự tồn tuyệt đối với mình, nhưng chỉ trong chừng mực nó loại trừ chính mình, hay, nói cách khác, cái khẳng định chỉ là khẳng định khi thiết định chính mình như là cái phủ định ngay trong bản thân sự vận động thiết định nên cái phủ định. Chỉ nhờ đó mà cái phủ định ở trong một sự độc lập-tự tồn tuyệt đối. Có thể nói: trong việc “sụp đổ”, “tiêu vong” một cách đầy mâu thuẫn, cái khẳng định – trong sự quá độ sang cái đối lập của nó – xác nhận sự thiết định chính mình, xác nhận chính cơ sở của mình. Tình hình càng như thế đối với cái phủ định.

- Qua phép biện chứng nhị bội hay gấp đôi ấy của cái khẳng định và cái phủ định, sự thống nhất đơn giản của sự phản tư thuần túy hay của bản chất như là tính phủ định và sự trung giới thuần túy vừa *được khôi phục*, vừa *được vượt bỏ*. Trước hết, sự phản tư thuần túy được khôi phục. Cái khẳng định và cái phủ định là hai quy định và, do đó, là sự phủ định chung đối với sự phản tư thuần túy. Nhưng, từ khi chúng tự mâu thuẫn trong chính mình, các quy định này của sự phản tư tự thủ tiêu và thiết định nên quy định thứ ba và sau cùng của sự phản tư thuần túy (tức: cơ sở), qua đó sự đồng nhất được khôi phục trong tính thuần túy nguyên thủy của nó. Nhưng, sự khôi phục tính năng động tuyệt đối của bản chất *không* tạo nên một sự quay trở lại đơn giản và thuần túy với sự xuất hiện ban đầu của bản chất. Vậy, sự khôi phục bản chất hay bản chất được tái lập không gì khác hơn là bản thân sự tiêu vong của cái khẳng định và cái phủ định, khiến cho bản chất *không* phải là một cơ chất được đặt ở phía đằng sau hay ở phía dưới chúng. Bản chất được khôi phục trong hình thức mới của hành vi tuyệt đối qua đó nó là cơ sở của chính mình. Trước đây, bản chất đã tỏ ra là cơ sở ở bên ngoài tồn tại vì mọi quy định của tồn tại đều “tiêu vong” trong nó. Nhưng, đó chỉ là “cơ sở” đối với sự phản tư từ bên ngoài. Còn bây giờ, kinh qua sự phủ định các phạm trù của sự phản tư (sự đồng nhất, sự khác biệt, cái khẳng định, cái phủ định), Bản chất được thiết định chính mình và bởi chính mình như là cơ sở, và, với tư cách ấy, nó tự thiết định chính mình như là tồn tại mà nó là sự phủ định. Vòng tròn khép lại một cách hoàn hảo và bản chất được khôi phục và thiết lập trong sự độc lập-tự tồn tuyệt đối của việc tự đặt cơ sở cho

mình. Bản thể chỉ đồng nhất với mình trong hành vi đặt cơ sở, qua đó, trong tính phủ định vô hạn của mình, nó tự dị biệt hóa và tự thiết định như là cái đối lập của nó (sự phản tư hay sự trung giới được thái hồi), tức, như sẽ thấy ở §122, là sự tồn tại trực tiếp của “*sự hiện hữu*” được đặt cơ sở bởi bản chất.

- Bây giờ, ta tạm đủ điều kiện để đi vào câu *Chính văn*:

- “*Cơ sở là sự thống nhất của sự đồng nhất và sự khác biệt*” ...
Thật thế, cơ sở là bản chất như là sự phản tư tự-thái hồi, nghĩa là, tự hoàn tất khi tự phủ định hay *tự đồng nhất hóa* một cách khẳng định với mình khi *tự dị biệt hóa* một cách phủ định với mình. Chính trong hành vi tự phủ định ở trong *sự hiện hữu* mà nó là cơ sở, cơ sở bản chất là sự liên tục khẳng định với chính mình. Sự phủ định của nó, về bản chất, là sự khẳng định theo nghĩa: sự hiện hữu đi ra từ cơ sở sẽ là bằng chứng của sự phản tư-trong-mình của cơ sở.

Vậy, cơ sở là “chân lý của cái do sự khác biệt và sự đồng nhất tạo ra”, hay, nói cách khác, nó là chân lý của cái phủ định và cái khẳng định vì nó là sự thống nhất tuyệt đối của chúng.

Hay, nói cách khác nữa, cơ sở là *sự thống nhất động* của “*sự phản tư-trong-mình (khẳng định) và sự phản tư-trong-cái khác (phủ định)*”, để sử dụng các thuật ngữ khái quát nhất của Lôgic học về sự phản tư. Nó là sự phản tư-trong-mình đồng thời là sự phản tư-trong-cái khác (từ §119, “cái khác” này luôn được hiểu là cái khác “**của nó**”) và ngược lại. Nói rõ hơn: tính phủ định vô hạn của bản chất chỉ là “phản tư-trong-mình”, và, do đó, là hành vi *đồng nhất hóa* với mình trong chừng mực nó đồng thời phản tư-trong-cái-khác-của nó, tức trong hành vi tự dị biệt hóa trong cái khác của nó: cái đó sẽ là *sự hiện hữu* trực tiếp do nó vừa làm cơ sở vừa phủ định trong cùng một vận động. Ngược lại, sự phản tư-trong-cái khác của cơ sở, tức hành vi chuyên hóa vào trong sự trực tiếp của *sự hiện hữu* cũng đồng thời là sự phản tư của nó vào-trong-mình, nghĩa là hành vi nhờ đó nó tự khẳng định chính mình như là cơ sở và, do đó, quay trở lại chính mình một cách khẳng định.

- “*Vậy, cơ sở là bản chất được thiết định như là [tính] toàn thể*”.

Toàn thể hay tính toàn thể (Totalität) là một phạm trù quan trọng nhưng lại được Hegel định nghĩa một cách khá tối tăm và quá ngắn gọn. Trong quyển này, nó xuất hiện nhiều lần, đặc biệt ở §§160, 192 và 193. Chỉ ở §160, ta có một định nghĩa khá rõ ràng: “*Khái niệm [...] là [tính] toàn thể trong chừng mực từng mỗi mômen là cái toàn bộ như bản thân Khái niệm và được thiết định như là sự thống nhất không tách rời với Khái niệm, do đó, nó [Khái niệm] là cái được quy định tự-mình-và-cho mình trong sự đồng nhất với mình*”. (S307). Thử áp dụng định nghĩa này vào cho cấp độ của bản chất như hiện nay, ta có kết quả như sau:

- Với tư cách là *cơ sở*, bản chất *được thiết định* (bằng việc tự-thải hồi cái khẳng định và cái phủ định) nhưng nó được thiết định như là *không bị thiết định* [từng phương diện] mà được thiết định như là một *cái toàn bộ* hoàn chỉnh và tự tồn để bắt đầu một vận động mới.
- Trong quan hệ với cái bản chất-cơ sở ấy, các phạm trù trước đây của bản chất (sự đồng nhất và sự khác biệt) chỉ còn là các mômen mang tính ý thể (ideel = bị thủ tiêu, thải hồi) của [tính] toàn thể duy nhất ấy. Và từ nay, trong tất cả mọi phạm trù tiếp theo, sẽ không còn phải là một phương diện của bản chất mà là *toàn bộ* bản chất, giống như ở cấp độ Khái niệm, mỗi một mômen của sự phát triển (tính phổ biến, tính đặc thù, tính cá biệt) là cái toàn bộ của Khái niệm (như sẽ thấy ở phần III).
- Tuy nhiên, có điểm khác cơ bản: trong lĩnh vực Bản chất, những mômen tiếp theo – tuy chứa đựng Bản chất một cách toàn bộ – đều *không* được thiết định trong một sự thống nhất không thể tách rời với nó. Trong lĩnh vực tổng quát của sự phản tư (Bản chất), Bản chất phản tư trong các phạm trù do nó làm cơ sở – và các phạm trù này, ngược lại, phản tư trong nó – nhưng mối quan hệ này chưa quay về trong sự đồng nhất minh nhiên của một cái vô hạn cho-mình. Sự tự-quy định của bản chất-cơ sở chưa phải là sự tự-quy định của Khái niệm, vì bản chất chưa được thiết định như là *CHỦ THỂ* của sự phát triển của nó mà mới chỉ là *CƠ SỞ* cho việc “ánh hiện” tiếp theo của nó mà thôi. Nó còn thiếu

chiều kích của *tính tự ngã* (*Selbstheit / ipséité*) của một sự tự-quy định đích thực. Vì thế, trong [Đại] Khoa học Lôgic II, 5c, Hegel viết: “Bản chất là tồn tại tự-mình-và-cho-mình, nhưng [mới] trong sự quy định của tồn tại-tự-mình”.

- **Phần Nhận xét cho §121:**

- Giống như các quy định trước đây của Logos (kể cả hai quy định đầu tiên của sự phản tư thuần túy: sự đồng nhất và sự khác biệt), phạm trù thứ ba là *cơ sở* cũng mang lại cơ hội để định nghĩa về cái Tuyệt đối: “*Cái Tuyệt đối là Cơ sở*” hay “*Tự tưởng là [có tính đặt] cơ sở [cho những quy định của chính nó]*. Nhưng, ở đây, Lôgic học tư biện không nhắm đến bản thân cái Tuyệt đối (trừ câu cuối của Nhận xét) mà chủ yếu lý giải ý nghĩa vốn gắn liền với nguyên tắc nổi tiếng về “*lý do hay cơ sở tồn tại*” (“*raison d’être*”) hay về “*căn cứ hay lý do đầy đủ*”. Vì thế, chủ ngữ của mệnh đề không phải là cái Tuyệt đối mà là “*Tất cả*” (Alles) [mọi sự vật] trong nguyên tắc của Leibniz: “*tất cả đều có cơ sở đầy đủ*” hay “*căn cứ đầy đủ*”. Chủ ngữ “*tất cả mọi*” cho thấy nguyên tắc này không áp dụng cho bản thân cái Tuyệt đối mà cho mọi sự vật *hữu hạn* (Satz des Grundes / proposition of ground / proposition du fondement: nguyên tắc về cơ sở hay căn cứ).
- Trong *Nhận xét* cho tiểu đoạn sau (§122), Hegel cho thấy nội dung bổ sung cho nguyên tắc này, nghĩa là, theo Hegel, nơi Leibniz, bản thân khái niệm “*cơ sở đầy đủ*” có một ý nghĩa sâu xa hơn là ý nghĩa hình thức quen thuộc: nó còn nhắm đến *nguyên nhân mục đích* (*causa finalis*) nữa. Ta tạm gác lại và trước hết hãy xét nguyên tắc này ở cấp độ của cái cái-gì-đó hữu hạn.
- “*Tất cả đều có cơ sở đầy đủ*” nghĩa là: tính bản chất đúng thật của cái-gì-đó không phải là quy định đơn giản của nó như là một cái “*đồng nhất với mình*”, cũng không phải như một “*cái được phân biệt*” hay một “*cái khẳng định*”, “*cái phủ định*” thuần túy và đơn giản. Trái lại, tính bản chất đích thực của nó là ở chỗ: *nó có tồn tại của nó ở trong một cái khác*, nghĩa là nó rút sự đồng nhất-khẳng định-với-mình của nó từ mối quan hệ với cái khác, nhưng vì cái khác ấy *làm cơ sở* cho sự đồng nhất-với-mình của nó nên là *bản chất* của nó. *Nghịch lý* ở đây là:

bản chất của cái-gì đó lại không nằm bên trong bản thân nó mà trong một cái khác. Nói cách khác, mọi tồn tại-được-đặt-cơ sở chỉ phản tư vào trong mình một cách khẳng định là nhờ vào sự phản tư trong cái khác phủ định nhưng lại là bản chất-cơ sở của nó. Ngược lại, cái bản chất-cơ sở này cũng không phải là sự phản tư trừu tượng *bên trong mình* mà là sự phản tư *trong cái khác* giống hệt như thế, tức trong cái tồn tại trực tiếp mà nó tạo nên cơ sở hiện hữu. Chính điều này phơi bày một lần nữa sự *khiểm khuyết* tương hỗ của các quy định của bản chất, vì tồn tại-được-đặt cơ sở chỉ có sự hiện hữu trực tiếp trong chừng mực nó đến sau tính nội tại phủ định của bản chất, còn bản chất chỉ thực sự ở bên trong mình trong chừng mực tự ngoại tại hóa trong tồn tại khẳng định, trực tiếp do nó làm cơ sở. Đẩy đến tận cùng, khái niệm “cơ sở” áp dụng cả cho bản thân cái Tuyệt đối: trong vận động phản tư của mình, cái Tuyệt đối (của Tư duy) là cơ sở cho những quy định tồn tại một cách trực tiếp.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §122

Tiểu đoạn §122 tổng kết các bước trước đây (sự vận động của sự phản tư thuần túy của bản chất: §§115-121) và cho thấy sự tự-thái hồi của bản chất trong sự trực tiếp của tồn tại như là sự *hiện hữu*. Trước khi đi vào nội dung, ta khái lược lại vấn đề:

- Bản chất là tồn tại như là *ánh hiện* trong chính mình (§112): đối lập lại với tồn tại xét như tồn tại, tức với tồn tại như là sự tĩnh tại trực tiếp, bản chất là một vận động của *sự phản tư*. Trước khi đi đến *sự hiện hữu* (là nơi tính phủ định của sự phản tư khôi phục sự trực tiếp của tồn tại), ta đã thấy vận động của sự phản tư *thuần túy* của bản chất ở *bên trong* chính nó (là nơi bản chất chưa có các quy định nào khác ngoài những gì được thiết định bởi sự ánh hiện thuần túy của nó *bên trong nó*: §§115-121). Từ khi có khái niệm “cơ sở”, bản chất tự thiết định như vận động thuần túy của việc tự-thái hồi để khôi phục sự trực tiếp của tồn tại như sẽ trình bày trong §122.

- Bản chất không còn là tồn tại trực tiếp mà – với tư cách là sự *trung giới* thuần túy – là một vận động lan tỏa của sự “*ánh hiện*” tuyệt đối (xem: Chú giải dẫn nhập: §112). Nhưng, thoát đầu, bản chất là vận động này của tính phủ định tuyệt đối trong cấp độ trừu tượng của việc phản tư thuần túy ở *bên trong chính mình*. Vậy, bản chất thoát đầu là sự ánh hiện và trung giới *trong-mình* (§115). Sự trung giới này của bản chất nhờ vào mômen sự khác biệt, vào phương diện phủ định. Nhưng, sau đó, với tư cách là “*cơ sở*”, bản chất được thiết định như là *[tính] toàn thể*, tức, như sự đồng nhất ý thể [sự đồng nhất được thái hồi] của mọi mômen cấu thành. Là “*cơ sở*”, bản chất *không còn là sự trung giới trực tiếp* hay sự khác biệt thuần túy lẫn cái phủ định thuần túy nữa, dù đó là các quy định tiêu biểu của nó. Nó là sự trung giới tự toàn thể hóa bằng sự tự-thái hồi, dẫn nó trở lại với sự đồng nhất với-mình (§120). Như thế, *cơ sở* là miếng đất của việc toàn thể hóa do hành vi của chính mình. Trong *cơ sở* – với tư cách là tính toàn thể của sự trung giới – sự thống nhất-với-mình của bản chất được *thiết định* mình nhiên như là sự tự-thái hồi đối với *sự khác biệt* (hay tính phủ định dị biệt hóa) vì, khi tự dị biệt hóa, tính phủ định của bản chất tạm thời tự đánh mất mình trong *sự trực tiếp* (trong đó nó tự dị biệt hóa). Nói khác đi, trong *cơ sở*, với tư cách là tính toàn thể của sự trung giới, sự thống nhất-với-mình của bản chất được thiết định mình nhiên như là sự thái hồi đối với *sự trung giới*. Sự khác biệt thuần túy là đồng nhất với sự trung giới thuần túy. Do đó, việc tự-thái hồi đối với sự khác biệt cũng là việc tự-thái hồi đối với sự trung giới. Và là sự thiết lập mới mẻ đối với cái trực tiếp xuất phát từ cơ sở.

- Tiến trình này là sự khôi phục *sự trực tiếp* hay tồn tại, tất nhiên không phải là tồn tại thuần túy (nay chỉ còn là một sự trừu tượng) mà là tồn tại *được trung giới bởi việc thái hồi sự trung giới*. Cái tồn tại mới này không còn là sự trực tiếp trừu tượng làm cơ sở cho sự ra đời của bản chất mà là sự trực tiếp *cụ thể* được thiết định bởi việc tự thái hồi đối với sự phản tư trừu tượng của bản chất. Cái tồn tại mới xuất phát từ *cơ sở* ấy chính là sự *HIỆN HỮU (EXISTENZ)*. Như Hegel nói, trong sự *hiện hữu*, ta thấy rõ một cách cụ thể rằng: không có gì ở trên trời, dưới đất mà là cái trực tiếp thuần túy mà bao giờ cũng là sự trực tiếp *đã được trung giới* bằng việc thái hồi sự trung giới (tiền tố “**ex**” trong chữ “**Ex-sistenz**” cho thấy: sự hiện hữu rút

toàn bộ sự tự tồn *trực tiếp* của nó từ mối quan hệ với căn nguyên là bản chất làm cơ sở cho nó).

- Phần Nhận xét cho §122

Phần *Nhận xét* này có mục đích chỉ ra những **hạn chế** của phạm trù “*cơ sở*” trong quan hệ với phạm trù “*sự hiện hữu*”.

- Trước hết, theo Hegel, không nên dành cho “*cơ sở*” sự phong phú về nội dung theo đúng nghĩa sâu xa của chữ “*cơ sở đầy đủ*” của Leibniz như là “*cơ sở hay nguyên nhân mục đích*” (*causa finalis*), vì cái sau mới thực sự lý giải sự vật bằng sự *tự-tạo ra* một nội dung trong sự quy định tuyệt đối tự-mình-và-cho-mình.
- Cơ sở – xuất hiện như là mômen nhất định của Logic học về Bản chất – chưa có *nội dung* nhất định tự-mình-và-cho-mình. Bản thân khái niệm “*nội dung*” chỉ xuất hiện ở §133, còn nội dung *tuyệt đối, tự-mình-và-cho-mình* chỉ xuất hiện trong Logic về *khách thể (Objekt)* khi Khái niệm mục đích luận – với tư cách là hoạt động tuyệt đối – sẽ không có nội dung nào khác ngoài duy nhất là bản thân mình (ở tận §212).
- Vậy, cơ sở-bản chất không chỉ chưa có nội dung tự-mình-và-cho-mình mà cũng chưa có cả nguyên nhân mục đích, vì điều này tiên-giả định một *tính chủ thể* hay ít ra một *tính bản thể* thuộc cấp độ của mục đích và kỳ cùng là của Tự do. Ở đây, chỉ đơn thuần là một *sự hiện hữu* đến từ (“*ex*”) cơ sở, thể thôi. Sự hiện hữu cũng không “*ra đời*” như một *Dasein* (tồn tại-hiện có) trực tiếp, mà chỉ “*đi ra*” từ cơ sở mà thôi.
- Vì thế, cơ sở *nhất định*, trong lĩnh vực của cái hữu hạn, hiểu như “*lý do tồn tại*” (“*raison d’être*” trong tiếng Pháp) của một “*nội dung*” nhất định, chỉ là cái gì hoàn toàn mang tính hình thức. Về mặt nhận thức luận, việc dẫn đến “*cơ sở*” là để đáp ứng nhu cầu nắm bắt sự vật không chỉ trong sự trực tiếp thô thiển của nó mà như được trung giới bởi một tiến trình nào đó, chẳng hạn như khi ta bảo một hiện tượng về điện là có “*cơ sở*” ở trong điện lực. Cả hai chỉ là *cùng một* nội dung, chỉ có điều cái trước là trong sự trực tiếp đơn giản, cái sau như là cơ sở khẳng định và tự tồn làm nhiệm vụ trung giới cho sự trực tiếp

của hiện tượng, dưới hình thức bên trong và bị che giấu của “điện lực”. Vì thế, ở cấp độ đơn thuần hình thức, ta có thể tìm ra “cơ sở” cho mọi sự mọi vật. Chỉ cần lấy một quy định nào đó rồi thiết định nó như là thuộc về chính nó (vd: điện lực) rồi biến nó thành cơ sở trung giới cho hiện hữu trực tiếp gắn liền với nó (vd: hiện tượng điện tương ứng).

- Vì thế, mọi “cơ sở” loại này đều là cơ sở “tốt” cả, hay đều có “lý do hợp lý”, theo nghĩa hết sức trừu tượng của chữ “tốt” (= khẳng định, đơn giản, đồng nhất với bản thân nó...).
- Mọi cơ sở *hình thức* đều hàm hồ; nó có thể dùng để biện minh cho cái này lẫn cho cái đối lập. Nó chỉ trở thành một *động lực* tạo nên kết quả một cách *hiện thực* (*wirklich / effektiv*) khi có một ý chí tự-mình-và-cho-mình, biến cơ sở thành một *nguyên nhân hiện thực*, nhưng đó lại là một phạm trù cao hơn nhiều trong Lôgíc học về Bản chất (chỉ xuất hiện ở §§153-154).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §123

Sự Hiện hữu (Die Existenz)

- Sự trực tiếp của *sự hiện hữu* không còn là sự trực tiếp của vẻ ngoài (hay của “*ánh tượng*” / *Schein*) nữa. Ta nhớ lại rằng: vẻ ngoài hay ánh tượng là mômen trực tiếp, tuyệt đối không bền vững, được thiết định ở bên trong sự phản tư thuần túy của bản chất bằng sự trùng hợp-với-mình của việc ánh hiện thuần túy của bản chất. Vẻ ngoài, vì thế, là sự trực tiếp ở bên trong sự phản tư thuần túy. (xem lại: Chú giải cho §112).
- Ngược lại, sự hiện hữu là sự trực tiếp được khôi phục bởi việc tự-thải hồi của sự phản tư thuần túy. Nó không còn sự không bền vững của vẻ ngoài, bởi nó là sự trực tiếp trong đó có mặt “*cơ sở*” của sự phản tư. Thật thế, cơ sở không còn là bộ phận ở *đằng sau* hay ở *bên dưới* sự hiện hữu mà được chuyển vào trong nó theo nghĩa: sự hiện hữu là sự phản tư thuần túy ở bên trong sự trực tiếp, chứa đựng *cơ sở* ở bên trong nó như mômen bị thải hồi của nó. Vậy, sự hiện hữu cũng là một cái giống như cơ sở, tức: sự thống nhất tuyệt đối giữa sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác (§121), chỉ có điều: nó là sự thống nhất này trong hình thức trực tiếp được quy định bởi sự “*sụp đổ*” của sự phản tư thuần túy. Nó là sự *thống nhất trực tiếp* của cả hai: *sự phản tư-trong-mình* và *sự phản tư-trong-cái-khác*.
- Với *sự hiện hữu*, tư tưởng rơi trở lại vào trong khuôn khổ của sự trực tiếp. Do đó, mọi phạm trù của tồn tại trực tiếp đều *lặp lại* ở trong sự hiện hữu, nhất là *tính đa tạp* và *số lượng*. Đây là một tính đa tạp “*bất định*” vì mômen của sự trực tiếp luôn là mômen của sự bất định, chứa đựng một sự trung giới nào đó trong mình. Từ đó, ta có “*sự số lượng đa tạp bất định của những cái hiện hữu*” (die unbestimmte Menge von *Existierenden* / the indeterminate multitude of *existents* / une multitude indéterminée d'*existants*). Bước chuyển từ “*sự hiện hữu*” sang “*cái đang hiện hữu*” giống như sự quá độ ta đã gặp

từ “tồn tại-hiện có” sang “cái đang tồn tại” hay sang “cái-gì-đó” (§90), và từ “tồn tại-cho-mình” sang “cái tồn tại-cho-mình” hay “cái Một” (§96).

- Với tư cách là tồn tại-trong-mình, hay chính xác hơn, là sự thống nhất phủ định với mình (tức: sự trực tiếp tự thiết định bằng con đường thái hồi sự trung giới của cơ sở) mà “sự hiện hữu” là “*một cái đang hiện hữu*”. Nếu sự hiện hữu (do sự trực tiếp của nó) là một số lượng đa tạp bất định của những cái đang hiện hữu, sự hiện hữu vẫn là sự thống nhất (trực tiếp) của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác, thì những cái đang hiện hữu – chứa đựng sự hiện hữu – quả là những gì đến từ cơ sở và chứa đựng trong chúng tính phản tư và, cùng với nó, là tính phủ định của bản chất. Vậy, trong những cái đang hiện hữu, ta gặp lại sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác không còn ở trong trạng thái thuần túy, mà dưới hình thức trực tiếp của những cái đang hiện hữu, vừa phản tư-trong-mình, vừa phản tư-trong-cái-khác. Tại sao?
- Vì là những cái trực tiếp, những cái đang hiện hữu rõ ràng phản tư-trong-mình, vì phản tư-trong-mình là hình thức của sự trực tiếp trong lĩnh vực của Bản chất (§113). Nhưng, cơ sở được chứa đựng trong sự hiện hữu và tái tạo trong đó (vì nó được bảo lưu dù đã được thái hồi) không chỉ là sự phản tư-trong-mình mà còn là phản tư-trong-cái-khác. Sự khác biệt, tính phủ định, tính tương quan bao hàm trong cơ sở được tái lập trên cấp độ của số lượng đa tạp những cái đang hiện hữu theo nghĩa: dù có sự phản tư-trong-mình trực tiếp của chúng, chúng không còn là “những cái khác” đối với nhau như trong lĩnh vực Tồn tại mà thiết yếu tương quan hay quan hệ với nhau, vì đó là lĩnh vực của Bản chất (§112). Do đó, sự hiện hữu là sự đa tạp của những cái đang hiện hữu với tư cách là những cái phản tư-trong-mình đồng thời ánh hiện-trong-cái-khác, tức đều *quan hệ* với nhau, và, ngay trong lòng của sự trực tiếp của chúng, tái tạo tính phản tư của bản chất và tính phức tạp của mối quan hệ (đặt cơ sở) của cơ sở *với* cái được đặt cơ sở.
- Nhờ vào tính quan hệ và sự ánh hiện-trong-cái-khác ấy mà những cái đang hiện hữu (phản tư-trong-mình) tạo nên một *toàn thể mạch lạc*, một *THẾ GIỚI* có trật tự, tức một thế giới

có sự phụ thuộc lẫn nhau, trong đó ngự trị một sự nối kết vô hạn của những cơ sở và những tồn tại được đặt cơ sở.

- Cái vô hạn nói ở đây là cái vô hạn **tôi** của một chuỗi bất tận. Lý do: quan hệ của cơ sở kinh qua mọi cái đang hiện hữu *chưa* quay lại với chính mình; một cái đang hiện hữu chưa phải là cơ sở và được đặt cơ sở trong cùng một quan hệ. Nó chưa phải là cơ sở của chính mình. Thật thế, bản thân những cơ sở là những hiện hữu nhưng chúng là những hiện hữu được đặt cơ sở bởi những cơ sở khác hơn là bản thân chúng và cứ thế đến vô tận. Cũng thế, những cái *đang* hiện hữu không chỉ được đặt cơ sở mà bản thân cũng là những cơ sở, nhưng chưa tự đặt cơ sở cho chính mình như trong trường hợp của một sự vô hạn đúng thật.
- Nếu trong những quy định *thuần túy* của sự phản tư, chính sự phản tư-trong-mình giữ vai trò chủ đạo, thì ở đây, trong *thế giới của hiện hữu*, sự chủ đạo thuộc về sự phản tư-trong-cái-khác, nhưng, sự phản tư-trong-mình vẫn hiện diện ngay trong lòng của sự phản tư-trong-cái-khác dưới hình thức của *sự nối kết* hay *có kết* (*Zusammenhang*), tập hợp những cái đang hiện hữu trong một “thế giới” duy nhất. Sự hiện diện của sự phản tư-trong-mình ngay trong lòng sự phản tư-trong-cái-khác của cái đang hiện hữu sẽ được thiết định minh nhiên trong phạm trù cao hơn ở §125 như là “*SỰ VẬT*” (*DING / THING / CHOSE*).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §124

- Sự phản tư-trong-mình của cái đang hiện hữu không thể được cô lập với sự phản tư-trong-cái-khác của nó. Thật thế, sở dĩ sự hiện hữu mang hai phương diện ấy trong mình là vì nó mang trong mình *cơ sở* mà nó xuất phát, và cơ sở, như đã thấy, là sự thống nhất tuyệt đối của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác (§121). Vì thế, cái đang hiện hữu cũng phản tư-trong-mình ngay trong lòng sự phản tư-trong-cái-khác của nó, hay nói khác đi, tính quan hệ của phản tư-trong-cái-khác được khôi phục ngay trong lòng sự phản tư-trong-mình. Như thế, cái đang hiện hữu

chứa đựng *ngay nơi chính nó* (*an ihm selbst*) tính quan hệ dẫn đến sự nối kết đa tạp của nó với những cái đang hiện hữu khác. Cái đang hiện hữu là phản tư-trong-mình ngay bên trong sự phản tư-trong-cái-khác, hay, phản tư-trong-mình như là *cơ sở*, vì cơ sở chính là sự phản tư-trong-mình này ngay trong lòng sự phản tư-trong-cái-khác. Vậy, nếu những quy định thuần túy của sự phản tư đã đặt sự phản tư-trong-mình vào vị trí chủ đạo, còn sự hiện hữu ưu tiên cho sự phản tư-trong-cái-khác, thì phạm trù mới sau đây – tiếp thu hai phương diện này – sẽ đặt chúng phục tùng sự *thống nhất* của cơ sở.

- Sự thống nhất này đã được báo hiệu ở §123 trong sự nối kết hay cố kết của “thế giới” vô hạn của hiện hữu. Còn ở đây, sự thống nhất này tập trung vào *tồn tại-cho-mình* của một cái đang hiện hữu mang toàn bộ những quan hệ của nó với những phương diện khác đang hiện hữu. Được quy định như thế, cái đang hiện hữu sẽ là **SỰ VẬT**: nó là tính toàn thể của thế giới hiện hữu tập hợp lại thành một điểm, đó là sự vật; và sự vật thống nhất trong nó tất cả những cái đang hiện hữu dưới hình thức là những **“thuộc tính”** (**Eigenschaften / propriétés**) sẽ bàn ở tiểu đoạn sau.
- Vậy là, để có cái nhìn hồi cố, ta thấy:
 Từ *những quy định thuần túy của sự phản tư* kinh qua *sự hiện hữu* để đi đến *sự vật*, ta có một vận động tư biện ở cấp độ đầu tiên của Bản chất *vượt bỏ* (theo cả ba nghĩa: phủ định – bảo lưu – nâng cao) “bộ ba” của cấp độ Tồn tại: tồn tại (thuần túy) – tồn tại-hiện có – tồn tại-cho-mình (cái Một) trong phần đầu tiên của Học thuyết về Tồn tại (phạm trù: **Chất**).

- **Phần Nhận xét cho §124:**

- Theo Hegel, mômen của Ý niệm Lô gíc mà ta đang đạt đến chính là mômen hình thành khái niệm của *Kant* về *Vật-tự thân*. Theo đó, trong sự vật, chỉ cần phân lập mômen phản tư-trong-mình ra khỏi tính quan hệ nội tại qua đó sự vật thể hiện trong những mối quan hệ đa tạp trong “trò chơi” của những thuộc tính của nó. Với tư cách là sự phản tư-*trong-mình* trừu tượng, sự vật không gì khác hơn là vật-tự thân được nắm lấy một cách cứng nhắc, đối lập với sự phản tư-trong-cái-khác hay với những thuộc tính của nó (§125). Trong trường hợp ấy, sự vật – như là *cơ sở cụ thể* cho

những thuộc tính đang hiện hữu của nó – bị quy giản – như là vật-tự thân – thành *nền tảng* (*Grundlage*) *trống rỗng*, dùng dung đối với sự phản tư-trong-cái-khác và với những thuộc tính và chỉ là *nền tảng* ngoại tại và hoàn toàn thụ động.

(Về cách hiểu này của *Hegel* đối với thuật ngữ “Vật-tự thân” của *Kant*, xem lại: Chú giải dẫn nhập cho §§37-60: “*Lập trường thứ hai của tư tưởng đối với tính khách quan*”).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §125

Sự vật (das Ding / the Thing / la Chose)

- Được giới thiệu ở §124 như là “*sự vật*”, cái đang hiện hữu cho thấy là sự thống nhất giữa *sự hiện hữu* và *cơ sở*. Bản chất-cơ sở đã thâm nhập xuyên suốt trong sự hiện hữu; và chính bên trong Sự vật, tức bên trong cái đang hiện hữu được đặt cơ sở, bây giờ diễn ra những quy định nội tại của cơ sở, đó là sự phản tư-trong-mình (hay sự đồng nhất) và sự phản tư-trong-cái-khác (hay sự khác biệt). Thật thế, ta không còn làm việc với sự đồng nhất hay sự khác biệt *trừu tượng*, cũng không còn làm việc với sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái-khác ở trạng thái *thuần túy* nữa, vì *sự vật* là [tính] toàn thể cụ thể của tất cả các phương diện ấy khi nó phát triển – tức thiết định các quy định của cơ sở và của sự hiện hữu “*vào trong một nhất thể*” (*in Einem gesetzt*). Vậy, từ nay, khi bàn về sự đồng nhất, sự phản tư-trong-cái-khác v.v..., ta luôn làm việc với các quy định như là các mômen trừu tượng của cơ sở đang hiện hữu, tức của *Sự vật*.
- Ta đã thấy trong §124 tại sao với tư cách là *phản tư-trong-mình* (như là cơ sở), cái đang hiện hữu là sự vật, thậm chí, là *vật-tự thân* trừu tượng. Nhưng, dựa theo mômen thứ hai là sự *phản tư-trong-cái-khác*, sự vật có trong nó các sự khác biệt, qua đó nó là một sự vật *nhất định* và cụ thể, một sự vật hiện hữu thực sự chứ không phải là một Vật-tự thân thuần túy (chú ý: Vật-tự thân ở đây là theo cách hiểu của *Hegel*).

- Cuối §125 và các tiêu đoạn tiếp theo sẽ phát triển *ba* giai đoạn của phép biện chứng của sự vật trong mômen phản tư-trong-cái-khác của nó. Đó sẽ là:

a) *Sự vật và các thuộc tính của nó*

b) *Các chất liệu và sự vật*

c) *Chất liệu (chất thể) và hình thức* (chưa phải là “nội dung và hình thức” (chỉ xuất hiện từ §133!)).

Rồi chính sự mâu thuẫn nảy sinh sẽ làm cho *sự vật* chuyên thành *hiện tượng* (từ §131). §125 bàn về điểm a).

- a) **Sự vật và các thuộc tính của nó**

- Dựa theo mômen của sự phản tư-trong-cái-khác, sự vật có bên trong nó các sự khác biệt khiến nó là một sự vật được xác định một cách cụ thể. Các quy định này là *khác với nhau* (*voneinander verschieden*).
- Thật thế, như đã thấy trong §123, những sự hiện hữu đa tạp là phản tư-trong-mình, đứng đưng với nhau, vì, tuy mang tính quan hệ, nhưng chỉ kết nối với nhau trong “thế giới” của sự hiện hữu mà thôi. Ở đây cũng thế, trong cái thế giới được cá thể hóa là sự vật, các quy định-đang hiện hữu của sự vật là “khác với nhau”, vì sự khác nhau (*Verschiedenheit / diversity*) là hình thức trực tiếp của sự khác biệt (*Unterschied / difference*), tức là nơi các cái được dị biệt hóa chỉ là “cho-bản thân nó” (*für sich*) và đứng đưng với quan hệ – tuy có thật nhưng ngoại tại – với nhau (§117). (Trong *Hiện tượng học Tinh thần*, Chương II: *Sự tri giác hay sự vật và sự lừa dối của nó* §§111-131, Sđd, BVNS, tr. 281-310, Hegel nêu ra ví dụ: hạt muối có nhiều thuộc tính: vừa trắng, vừa mặn, vừa có hình lập phương v.v... Chúng cùng ở trong sự vật, nhưng đứng đưng với nhau. Ở đây, ta cố tránh nêu các ví dụ cảm tính trong lĩnh vực của “tư duy thuần túy”!).
- Tất nhiên, sự phản tư-trong-cái-khác của bản thân các quy định ấy của sự vật không hề vắng mặt vì chúng vẫn “khác với nhau”, nhưng sự khác biệt giữa chúng chỉ ở cấp độ “sự khác nhau”, chỉ là các quy định *khi* ở trong sự vật. Chúng chỉ là chúng khi ở bên ngoài bản thân chúng, nghĩa là... ở trong sự

vật, là nơi chúng quan hệ với nhau. Chúng *thuộc về* sự vật; chúng là các *THUỘC TÍNH* của sự vật, và sự quan hệ của chúng với sự vật là quan hệ của việc **CÓ** theo nghĩa sự vật **CÓ** chúng như là các thuộc tính của nó (nghĩa chiết tự của chữ “*thuộc tính*” trong tiếng Đức: *Eigen* (của riêng) – *schafte*). Đó là cách giải thích duy nhất của mối quan hệ giữa chúng: các thuộc tính không “vẫy gọi” nhau; chúng chỉ được hợp nhất chỉ vì cùng thuộc về chữ “CÓ”. (Ví dụ trong *Hiện tượng học Tinh thần*: trắng, mặn, lập phương... là các thuộc tính của hạt muối nhưng đứng đứng với nhau). Cái “CÓ” này cho thấy sự độc lập-tự tồn của sự vật ngay trong việc triển khai của nó trong các quy định, nên các quy định này chỉ là các thuộc tính. Đó là vai trò *chủ đạo* của sự vật đối với các thuộc tính của nó và sẽ bị đảo ngược trong các tiêu đoạn tiếp theo. Bây giờ, ta lưu ý đến phần *Nhận xét* khá quan trọng của §125.

- Phần Nhận xét cho §125:

- Vì lẽ sự vật không phải là “một” với các thuộc tính của nó mà, có thể nói, chỉ quan hệ với chúng ở tư thế “cao” hơn, tức sở hữu chúng, nên ở đây “CÓ” thế chỗ cho “LÀ”. Sự vật không phải là các thuộc tính của nó, mà **CÓ** chúng. Vậy, nói một cách chặt chẽ, phải chăng *cái-gì-đó* (ở cấp độ Tồn tại) cũng “có” các *chất*? Thật ra, điều ấy là không đúng vì, khác với thuộc tính, quy định về chất trực tiếp là “một” với cái-gì đó theo kiểu cái-gì đó sẽ không còn tồn tại (“là”) nếu nó mất đi Chất của nó (§92). Với tư cách là một phạm trù của Bản chất, sự vật có một sự độc lập-tự tồn lớn hơn đối với sự trực tiếp. Sự vật là cái đang hiện hữu với tư cách là phản tư-trong-mình, trong sự đồng nhất-với-mình. Vì thế, bản thân sự vật khác với các quy định của nó, dù các quy định ấy tạo nên sự khác biệt cho nó. Do sự độc lập-tự tồn ấy, sự vật không phải là sự trực tiếp của các thuộc tính của nó mà *CÓ* chúng như là mômen phụ thuộc và không-bản chất. Mãi về sau này, ở cấp độ của *Hiện thực* (§142) và nhất là, ở cấp độ Khái niệm (§160) mới có việc Bản chất quay về lại với sự trực tiếp của tồn tại, sẽ thủ tiêu mối quan hệ của việc “có” để thoát đầu thiết lập quan hệ “*biểu lộ*” (*Manifestation*) tự ngã trong sự trực tiếp (§142) và sau đó là quan hệ của việc *đặc thù hóa* tự ngã trong sự trực tiếp (§§161, 163). Còn ở đây, sự vật chỉ đơn thuần “có” chúng mà thôi.

- Trong nhiều ngôn ngữ, nhất là các ngôn ngữ Tây phương, trợ động từ “**có**” (haben / have / avoir) thường được dùng để chỉ các hình thức nào đó của *quá khứ*, khi cái đã qua được suy tưởng trong mối quan hệ của nó với cái hiện tại trực tiếp, ví dụ: “Nó đã [có] nói”, “nó đã [có] làm”... Quá khứ là *tồn tại bị thái hồi* hay *bị-vượt qua*, không còn là tồn tại trực tiếp mà là tồn tại được trung giới và được “bản chất hóa” đúng theo nghĩa từ nguyên của chữ “Wesen” (Bản chất) là hình thức quá khứ của động từ *Sein (là)*, đó là: *gewesen (đã là)*. Vậy, bản chất là cái gì không “là” mà “đã là”, do đó, có lý khi việc “CÓ” được sử dụng để chỉ cái đã qua, như cái gì gắn liền với mối quan hệ về bản chất. Giống như sự vật *có* các thuộc tính của nó và các thuộc tính này chỉ *có* sự bền vững ở trong sự vật, thì đối với Tinh thần – như là sự phản tư-trong mình về quá khứ – , sự trực tiếp phù du chỉ có sự bền vững trong đó như là ký ức. Tinh thần sẽ ôn lại quá khứ và nội tâm hóa nó nhưng không tự đồng nhất hóa một cách trực tiếp với nó. Vậy, còn hơn cả sự vật, Tinh thần *có* quá khứ và cũng phân biệt mình với cái tồn tại bị thái hồi và vượt bỏ này.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §126

b. Các chất liệu và sự vật

- Là cơ sở đang hiện hữu, sự vật chứa đựng trong mỗi mômen của nó [tính] toàn thể của những quy định của cơ sở (xem lại đầu chú giải §125). Ở đó, sự phản tư-trong-mình gắn liền không thể tách rời với sự phản tư-trong-cái-khác, và ngược lại. Chính vì thế, ngay đầu §126, Hegel viết: “Nhưng, trong *cơ sở*, sự phản tư-trong-cái-khác, nơi chính nó, cũng lập tức là sự phản tư-trong-mình”.
- Sự phản tư-trong-cái-khác nói ở đây không còn là *của sự vật* trong các thuộc tính của nó như ở §125 mà, ngược lại, là *của các thuộc tính* trong sự vật đang *có* chúng. Các thuộc tính phản tư trong cái khác (tức trong sự vật) vì chúng thuộc về sự vật. Nhưng, vì lẽ [tính] toàn thể của cơ sở cũng hiện diện ở trong chúng, nên sự phản tư trong sự vật của chúng cũng lập tức có mặt sự phản tư-

trong-mình của chúng. Vì thế, các thuộc tính cũng đồng thời là đồng nhất với mình, là *độc lập-tự tồn* và được giải phóng khỏi *sự gắn liền (Gebundensein)* với sự vật. Tất nhiên, bản thân các thuộc tính được tách rời khỏi sự vật và phản tư-trong-mình như thế không phải là các sự vật (ví dụ: trắng, mặn, vuông... của hạt muối). Chúng chỉ là các quy định khác nhau của sự vật, với tư cách là các cái phản tư-trong-mình, nghĩa là, tuy có sự độc lập-tự tồn nhưng vẫn chỉ là những quy định “khác biệt với nhau” của sự vật, vì cho đến nay, sự vật vẫn là sợi dây liên kết cụ thể của chúng. Các thuộc tính tự tồn khác nhau (mà sự vật đánh mất mình trong chúng) vẫn thiếu tính chất cụ thể. Một khi bị phân lập với nhau và với sự vật (là cái đã hợp nhất chúng lại), các thuộc tính chỉ còn là các hiện hữu phản tư-trong-mình như là các quy định *trừu tượng*, tách rời khỏi mọi mối dây liên kết cụ thể giữa chúng và trong sự vật (là nơi chúng gặp gỡ nhau). Hiểu như thế, các thuộc tính đã trở thành những *CHẤT LIỆU*, tức những chất liệu trừu tượng mà sự vật bao gồm nhưng không liên kết chúng lại một cách thực sự. Qua tiến trình ấy, sự vật *tự giải thể* thành những thuộc tính của nó như những chất liệu tự tồn cho riêng chúng.

- **Phản Nhận xét cho §126**

- Phần đầu đưa ra vài ví dụ vật lý (sẽ được nói rõ hơn trong phần *Giảng thêm*). Các quy định vật lý (ví dụ: điện, từ, nhiệt...) tạo nên một sự vật nhưng bản thân không phải là các sự vật mà chỉ là *các chất liệu* như đã nói ở cuối §126 (phần chính văn).
- Các chất liệu là các *Chất* đúng nghĩa. Chúng là *chân lý* của các *Chất* của cái-gì-đó trong Logic học về Tồn tại. Giống như các *Chất* trong §90, chúng là một với sự tồn tại của chúng, và đồng nhất với mình và trùng hợp hoàn toàn với mình. Nơi chúng, quy định của sự vật không còn phản tư-trong-mình ở trong sự vật như trường hợp đối với thuộc tính (cuối §125). Ngược lại, các chất liệu là quy định (của sự vật) trong chừng mực quy định đã chuyển thành sự trực tiếp, sang sự độc lập-tự tồn, giải phóng nó khỏi sự phục tùng sự vật. Chỉ có điều: sự trực tiếp này hay sự tồn tại này của chất liệu không còn thuộc cấp độ của tồn tại thuần túy về chất, mà là một tồn tại được phản tư, nghĩa là, sự trực tiếp của nó là đã được trung giới bởi việc thái hồi sự trung giới (§122). Nói rõ hơn, chất liệu là quy định trực tiếp nhưng trực tiếp như là hiện

hữu, hay, nói cách khác, chất liệu không còn có sự trung giới qua đó sự vật quy giản thành thuộc tính của nó.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §127

- **Chất liệu** độc lập-tự tồn đã được giải phóng khỏi sự liên kết bên trong đối với sự vật mà từ nay nó không còn là *thuộc tính* theo nghĩa chặt chẽ nữa. Tất nhiên, các chất liệu vẫn còn là chất liệu của sự vật, tạo nên sự vật, và theo nghĩa ấy, chất liệu vẫn còn là sự phản tư-trong-cái khác. Nhưng, nó chỉ còn là sự phản tư-trong-cái khác *trừu tượng* và *bất định*.
- Là "*trừu tượng*", vì sự phản tư của chất liệu trong cái khác của nó (sự vật) chỉ đụng chạm đến sự vật một cách hời hợt; nó không còn là bộ phận có tính quy định và cụ thể nữa, mà chỉ có tính hình thức, hay, đúng hơn, là "bất định". Là "*bất định*", vì sự phản tư trong sự vật không quy định gì cho chất liệu, một khi chất liệu từ nay có sự quy định của nó trong chính nó chứ không còn ở trong sự vật vốn là nơi chôn cụ thể và có tính xác định của nó trước nay. Vậy, chất liệu là sự phản tư-trong-cái khác trừu tượng và bất định.
- Nhưng, nhìn từ đối cực khác, chất liệu lại là sự phản tư-trong-mình *được xác định* (chứ không phải bất định). Chất liệu là sự phản tư-trong-mình như đã thấy ở tiểu đoạn trước. Nhưng, nó không còn là sự phản tư-trong-mình trống rỗng và bất định của vật-tự thân, là cái chỉ có sự quy định cụ thể trong chừng mực có sự phản tư-trong-cái khác (tức nơi các thuộc tính) của nó. Nói cách khác, các chất liệu là các hiện hữu phản tư-trong-mình và được xác định, dù vẫn là trừu tượng theo nghĩa chúng không còn liên hệ mật thiết với nhau mà chỉ được hợp nhất một cách hời hợt trong sự vật mà chúng tạo thành.
- Vậy, rút cục, chính trong chất liệu được hiểu như thế mà sự vật là cái-gì-đó, nghĩa là có sự phản tư-trong-mình đích thực và *được xác định*. Song, chất liệu không phải là *bản thân* sự vật mà chỉ là chất liệu cụ thể của sự vật, là cái mà trong đó sự vật trở nên được xác định. Nói như Hegel trong *Chính văn*, chất liệu là *VẬT TÍNH*

ĐANG TỒN TẠI (*daseiende Dingheit / thinghood that is there / choséité étant-là*). Chất liệu không phải là sự vật, cũng không phải là một sự vật mà là cái gì làm cho sự vật thực sự là một sự vật cụ thể; nghĩa là: nó là bản thân “*vật-tính*” của sự vật. Hay nói một cách khác, sự vật sở dĩ có được *bản chất* của nó là ở trong các chất liệu. Hơn thế, chất liệu là “*vật tính-đang-tồn tại*”, tức, vật tính *được xác định* hay vật tính *nhất định* của sự vật, là bản chất nhất định của sự vật, là cái nhờ đó sự vật có một sự bền vững thực sự và cụ thể, đối lập lại với sự bất định trống rỗng của sự vật *thuần túy* như cái gì phản tư-trong-mình một cách trừu tượng.

- Bảo rằng sự vật có sự phản tư-trong-mình đích thực ở trong các chất liệu, vì chỉ như thế nó mới thực sự là một sự vật cụ thể tức là nói điều hoàn toàn ngược lại với tiêu đoạn §125 khi cho rằng các thuộc tính chỉ có sự phản tư-trong-mình là ở trong sự vật chứ không phải trong bản thân chúng!

Vậy là: từ mối quan hệ của sự vật với các thuộc tính của nó (tiểu mục a), bây giờ ta đã chuyển sang mối quan hệ của các chất liệu với sự vật (tiểu mục b). Từ vị trí chủ đạo (“*tính thứ nhất*” / Primat) của sự vật trên với các thuộc tính, ta đi đến “*tính thứ nhất*” của các chất liệu trên sự vật. Sự vật không “*tự tồn*”, không có sự vững bền trong chính mình (“*besteht nicht an ihm selbst*” / does not subsist in itself / ne “*consiste*” pas en elle-même) mà “*tự tồn*” hay “*hình thành*” từ các chất liệu (“*besteht aus den Materien*” / consists of the matters / *consiste dans les matières*). Từ đó, sự vật đã đánh mất mọi tính bản chất cụ thể; nó không còn gì hơn là sự nối kết rời rạc các chất liệu tạo nên nó và gặp gỡ nhau trong nó; hay, không gì hơn một sự liên kết ngoại tại của các chất liệu này, những cái nay đã trở thành *bản chất đúng thật* của sự vật. Phép biện chứng của sự vật chưa dừng lại; nó sẽ “*kết thúc*” trong tiểu mục c ở §128. (Xem thêm: *Hiện tượng học Tinh thần*, Chương II: “*Tri giác hay là Sự vật và sự lừa dối của nó*”, §111 và tiếp, Sđd, BVNS, tr. 281 và tiếp. *Chú giải dẫn nhập* của BVNS: 4: Tri giác: “*trò chơi của những cái trừu tượng*”, Sđd, tr. 316-317).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §128

c) Chất liệu [Chất thể] và hình thức

- Ở §126, các chất liệu được giới thiệu như là các hiện hữu phản tư-trong-mình với tư cách là *các quy định* trừu tượng. Rồi ở §127, chất liệu được định nghĩa như là phản tư-trong-mình *được xác định*. Theo nghĩa đó, chất liệu là sự hiện hữu *nhất định* của sự vật. Tuy nhiên, chất liệu, xét như là chất liệu, không phải là “kẻ” mang sự quy định này. Thật thế, sự quy định luôn bao hàm cái tồn tại-khác và tồn tại-cho-cái khác (§91). Thế nhưng, như đã thấy ở đầu §127, sự phản tư-trong-cái khác, tức, trước hết, sự phản tư *trong* sự vật vẫn còn hoàn toàn bất định và trừu tượng đối với chất liệu. Trong sự tự mãn tự túc và sự độc lập-tự tồn, chất liệu là sự *thống nhất trực tiếp* của sự hiện hữu với chính nó (§100). Do tính “khẳng định” trực tiếp ấy, chất liệu là đứng vững với sự quy định và bây giờ là đứng vững với sự quy định mà nó mang theo. Sự trực tiếp này là do sự phản tư-trong-mình của các chất liệu và sự khác nhau thuần túy của các quy định dị biệt hóa chúng. Mỗi chất liệu tồn tại cho-mình và đứng vững với quan hệ ngoại tại và hời hợt mà nó có đối với những cái khác ở trong sự vật (§117). Từ §125 cho đến §127, ta đã nhiều lần thấy sự khác nhau giữa các quy định chất liệu cũng như sự đứng vững và tính ngoại tại của mỗi liên hệ giữa chúng. Do sự đứng vững “gấp đôi” ấy với sự quy định (với mình và với các chất liệu khác), các chất liệu đa tạp, khác nhau hội tụ trong sự vô-quy định chung của chúng bằng một tiến trình của sự liên tục khiến ta nhớ lại §98 khi diễn ra sự “hút” của những cái Nhiều vào trong một nhất thể của sự quy định bị thải hồi của chúng, ở cấp độ trừu tượng của Lượng. Ở đây cũng thế, các chất liệu đa tạp “*hội tụ*” hay “*hòa trộn*” (*gehen zusammen / merge into / se fondre*) vào **MỘT CHẤT LIỆU** (*die Eine Materie / the One Matter / la Matière Une*) và bất định đảm bảo cho sự bền vững của sự vật trong sự đồng nhất của nó với nó. Cái “Một chất liệu”, duy nhất và bất định này là bản thân sự hiện hữu trong quy định phản tư của *sự đồng nhất*, tức, sự hiện hữu như là đồng nhất, như là sự liên tục khẳng định với mình. Sự đồng nhất ở đây không còn là sự đồng nhất thuần túy của sự phản tư mà là sự đồng nhất ở bên trong [tính] toàn thể đang hiện hữu, hay, sự đồng nhất như là sự hiện hữu và như là [tính] toàn thể.

- Đối lập lại với chất liệu đồng nhất và dừng dung với mọi quy định, ta còn có tất cả những quy định của các chất liệu khác nhau cùng với sự *quan hệ* ngoại tại giữa chúng trong sự vật là cái tập hợp chúng lại. Vậy, đối lập với “Một chất liệu” bất định này, cái tập hợp toàn bộ những quy định tạo nên *HÌNH THỨC*. Cũng giống như chất liệu không được dị biệt hóa, hình thức là bản thân sự hiện hữu, nhưng là sự hiện hữu trong sự quy định phản tư của *sự khác biệt* (chứ không phải của sự đồng nhất như Một-chất liệu). Nói cách khác, hình thức là quy định phản tư của sự khác biệt (làm cho sự vật khác với sự vật khác), nhưng bây giờ với tư cách là cái đang hiện hữu và như là tính toàn thể chứ không còn là quy định thuần túy của sự phản tư như trước đây nữa (§116).
- Phần Nhận xét cho §128**
- Cái “Một chất liệu” không có quy định và vật-tự thân là *cùng một cái*, nghĩa là sự trừ tượng của sự vô-quy định trống rỗng. Tuy nhiên, chỗ khác là: vật-tự thân (khép kín trong sự phản tư-trong-mình) là hoàn toàn trừ tượng, trong khi đó chất liệu – đã trải qua mômen của sự quy định – không thể hoàn toàn dừng dung và cho thấy, ít ra là ở tiềm năng, sự tồn tại “cho-cái-khác”. Cái mà nó quan hệ trước tiên (như sẽ bàn ở §129) chính là *hình thức*. (Về sau, chất liệu sẽ cho thấy là có quan hệ với bản thân bản chất và bây giờ chỉ còn là một mômen bị thải hồi của “*hiện tượng*” của Bản chất).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §129

- Nếu ta tách rời – như phép biện chứng của sự vật đòi hỏi – phương diện của *tính khẳng định đồng nhất* của sự vật với phương diện gắn liền với nó là *tính phủ định nhất định và dị biệt hóa*, thì sự vật phân ra thành **CHẤT LIỆU VÀ HÌNH THỨC**. Mỗi hạn từ trong cặp này là [tính] toàn thể, không phải của sự vật (bởi tính chất cụ thể của nó đã đánh mất trong sự giải thể này) mà của *vật tính* (*Dingheit / thinghood / choséité*), tức của chính *bản chất* của sự vật. Vậy, chất liệu và hình thức mỗi bên đều là *tính*

toàn thể của vật tính và do đó, mỗi bên đều độc lập-tự tồn cho riêng nó (für sich / on its own account / pour soi).

- Chất liệu là [tính] toàn thể của sự vật vì *toàn bộ* sự vật có trong nó sự thống nhất trực tiếp của sự hiện hữu của nó trong tính liên tục đồng nhất với mình: toàn bộ sự vật là có tính “*chất liệu*” (hay “*vật chất*”) chứ không phải chỉ một bộ phận của nó.
- Tình hình cũng như thế với hình thức. Hình thức là [tính] toàn thể của sự vật, vì *toàn bộ* sự vật có trong nó sự trung giới cụ thể của các quy định dị biệt hóa của nó: toàn bộ sự vật là có tính “*hình thức*”, nghĩa là được định hình hoặc không định hình, chứ không phải chỉ là một bộ phận của nó.
- Nhưng, sự việc không dừng lại ở đó! Tính chất “toàn thể hóa” và sự độc lập-tự tồn “cho riêng nó” của chất liệu và hình thức còn chuyển biến để rút cục cho thấy cái này chứa đựng cái kia ở trong mình và là tính toàn thể của vật tính, chứ không phải sự phiên diện của sự tự tồn cho riêng mình.
- Thật thế, như đã thấy ở §128, *chất liệu* là sự hiện hữu trong quy định phản tư của *sự đồng nhất*. Với tư cách ấy, chất liệu phải là sự hiện hữu như là khẳng định và bất định, nghĩa là sự hiện hữu thoát khỏi mọi quy định phủ định. Nhưng, vì lẽ sự hiện hữu là sự thống nhất trực tiếp của sự phản tư-trong-mình và sự phản tư-trong-cái khác (§123), nên chất liệu hay sự hiện hữu vật chất không chỉ chứa đựng tồn tại-trong-mình khẳng định và bất định mà cả sự phản tư-trong-cái khác với sự quy định và sự phủ định của sự phản tư này. Do đó, với tư cách là sự hiện hữu, chất liệu là sự thống nhất của cả hai sự phản tư, tức của tính khẳng định đồng nhất và tính phủ định dị biệt hóa. Nói rõ hơn: bản thân chất liệu là tính toàn thể của *hình thức* vì nó bao hàm trong chính nó tất cả tính phủ định cấu thành hình thức ngay trong tính toàn thể duy nhất của mình; hay, tuy không “muốn”, nó vẫn chỉ hiện hữu với các quy định!
- Ngược lại, như đã thấy, hình thức là [tính] toàn thể của “các quy định”, là [tính] toàn thể của tính phủ định nội tại nơi sự vật. Vậy, với tư cách là tính toàn thể khép kín nơi chính mình, như là vòng tròn hoàn tất của sự quy định, hình thức vốn đã bao hàm sự phản tư-trong-mình cấu tạo nên tính vật chất hay tính chất liệu của sự

hiện hữu. Hình thức – là hình thức toàn bộ và *như là* hình thức *quan hệ với chính mình* –, lại có chứa cái nên sự quy định của chất liệu, tức sự “ngang bằng” khẳng định với mình.

- Vậy, về mặt “tự-mình”, chất liệu và hình thức là *cùng một cái* (*dasselbe / the same / la même chose*). Nhưng, sự đồng nhất nổi kết chúng lại không chỉ là tiềm năng, không phải chỉ là sự kiện của việc phản tư *từ bên ngoài*. Chúng tự đồng nhất hóa với nhau: chất liệu mà hoàn toàn vắng mặt hình thức là có hình thức tuyệt đối riêng biệt của nó; hình thức mà hoàn toàn vắng mặt nội dung là có sự bền vững đặc trưng của chất liệu! Vậy, nếu sự thống nhất giữa chất liệu và hình thức là *được thiết định* như là đòi hỏi của phép biện chứng của hai hạn từ, sự thống nhất ấy là ở trong *mối quan hệ* (*Beziehung / relation*) không thể tách rời của cả hai. Ở đây, phạm trù “*mối quan hệ*” – tức sự thống nhất lôgic của cặp chất liệu-hình thức – mới được đề cập một cách khái quát. Ở tiểu đoạn sau (§130), ta sẽ thấy “*mối quan hệ*” này, trong thực tế, là một **sự mâu thuẫn**. Thật thế, mối quan hệ hợp nhất chất liệu và hình thức kết hợp hai hạn từ hoàn toàn khác biệt (chất liệu là cái đối lập tuyệt đối với hình thức, và hình thức là cái đối lập tuyệt đối với chất liệu). Sự phát triển của sự *mâu thuẫn* này sẽ tạo nên bước chuyển lôgic của sự vật sang **Hiện tượng**, tức sang phần B của Lôgic học về Bản chất (§131).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §130

Ta ôn lại:

- Tiểu mục c về “sự vật” có ba điểm: 1) sự vật và các thuộc tính của nó; 2) các chất liệu và sự vật; và 3) chất liệu và hình thức. Ở điểm 3, ta đã gặp lại các quy định của sự phản tư, nhưng không còn ở trạng thái thuần túy mà như là *các cái đang hiện hữu* ở trong sự vật. Cái “*Một chất liệu*” là sự hiện hữu trong quy định phản tư của sự đồng nhất, còn “*hình thức*” là hình thức của sự hiện hữu trong quy định phản tư của sự khác biệt (§128). Sau đó, ở §129, ta đã thấy chất liệu và hình thức đi vào *mối quan hệ* hỗ tương hoàn toàn còn *khác biệt* với nhau. Nghĩa là, giữa chúng, có mối quan hệ của *sự đối lập* (§119). Tuy nhiên, như đã thấy ở

§120, chữ “sự đối lập logic” có nghĩa là *sự mâu thuẫn*. Vậy, do phép biện chứng của riêng nó, sự vật không chỉ lấy lại ở bên trong nó các quy định phân tư (thuần túy) là sự đồng nhất và sự khác biệt mà cả các quy định của sự đối lập và sự mâu thuẫn.

- Vậy, sự vật là mâu thuẫn ở chỗ nào? Trước hết, như đã thấy ở §129, sự vật là [tính] toàn thể, hay đúng hơn, là [tính] toàn thể nhị bội hay gấp đôi của chất liệu và hình thức. Nghĩa là, *sự vật hoàn toàn là chất liệu đồng thời hoàn toàn là hình thức*. Sự mâu thuẫn này thể hiện như sau:
- Với tư cách là *hình thức*, tức là tính phủ định, sự vật không chỉ được quy định nhất định, mà còn là sự thống nhất phủ định tập hợp mọi quy định của sự vật và đặt chúng vào dưới sự ngự trị của sự vật. Dựa theo phương diện này của sự thống nhất phủ định, **sự vật là hình thức**, trong đó chất liệu bị quy định và bị đa tạp hóa thành nhiều chất liệu kết hợp với nhau; và, do sự [bị] quy định ấy, chúng bị *hạ thấp xuống* thành vị trí của *các thuộc tính* đơn giản của sự vật [nằm cương vị] bản chất (§125).
- Nhưng, đồng thời và một cách mâu thuẫn, sự vật là sự thống nhất khẳng định và bền vững, nhất quán với chính mình. Theo phương diện này, **sự vật là chất liệu**, hay, chính xác hơn, sự vật cấu thành từ *các chất liệu* và chính chúng mới là yếu tố bản chất của sự vật.
- Sự mâu thuẫn này còn tác động lên vị thế của bản thân các chất liệu ở bên trong sự vật. Thật vậy, sự vật, về căn bản, là sự phản tư-trong-mình (§124). Sự mâu thuẫn sau cùng của sự vật là ở chỗ: ở cấp độ của sự phản tư-trong-mình của sự vật, *các chất liệu vừa độc lập-tự tồn, vừa bị phủ định*. Tại sao? Chúng là độc lập-tự tồn trong chừng mực chính chúng tạo nên sự bền vững, nhất quán của sự vật, nhưng, chúng lại bị phủ định trong chừng mực – do sự phản tư-trong-mình của sự vật – chúng được tập hợp trong sự thống nhất hay nhất thể *phủ định* của sự vật và chỉ hình thành nên *các thuộc tính* của sự vật: những thuộc tính ở trong cả hai mối quan hệ hay bị “tương đối hóa” gấp đôi bởi mối quan hệ của chúng với sự vật và của sự giới hạn lẫn nhau của chúng. Tóm lại, đó là sự mâu thuẫn gấp đôi của sự vật, trong đó bản chất tự khẳng định như là cơ sở của sự hiện hữu: một mặt, sự vật, *như là hình thức*, hạ thấp chất liệu (hay vật chất) theo nghĩa quy giản chúng thành các thuộc tính của mình; mặt khác, *chính các chất liệu* đảm

bảo sự bền vững, nhất quán của sự vật, nghĩa là sự vật “tự tồn” ở trong chúng. Nói khác đi, từ quan điểm hay với tư cách là *các chất liệu*, sự mâu thuẫn của sự vật là ở chỗ chúng vừa là độc lập-tự tồn vừa bị phủ định, hạ thấp.

- Sự việc phải đi đến chỗ được giải quyết! Sự vật là bản chất-hiện hữu dưới hình thức cụ thể của tồn tại-cho-mình. Hay, nói cách khác, nó là sự hiện hữu, nhưng là sự hiện hữu-bản chất, mang trong mình trọn vẹn tính phủ định của bản chất. Trong nó, *chất liệu* là sự phản ánh của sự thống nhất trực tiếp của sự hiện hữu, còn *hình thức* là sự thể hiện tính phủ định mà nó bao hàm. Chính sự kết hợp giữa tính phủ định và tính trực tiếp ở trong sự vật sẽ quyết định “vận mệnh” của sự vật là phải hiện mình cho sự mâu thuẫn. Sự vật có sự quy định hay “vận mệnh” (Bestimmung / determination / destination) là trở thành sự hiện hữu-bản chất như là *sự hiện hữu tự thủ tiêu, thái hồi trong chính mình*. Từ nay, nó được “kêu gọi” là hãy “*tự tiêu vong*” (*zugrunde gehen*) đồng thời hãy *quay trở lại với cơ sở* (*zu Grunde gehen*), lặp lại mọi quy định thuần túy của sự phản tư của bản chất từ *sự đồng nhất* cho đến *cơ sở*.
- Khi chuyển sang sự hiện hữu (§§121-122), bản chất đã bị “chìm đắm” trong sự trực tiếp mà nó đã khôi phục do việc toàn thể hóa quyền năng trung giới của nó. Bây giờ, do chính phép biện chứng của sự vật, bản chất, có thể nói, tiến hành một sự “phục thù” đối với sự hiện hữu khi tái khẳng định sự mâu thuẫn nội tại của sự vật và sự tiêu vong của sự vật bằng quyền năng của tính phủ định của nó. Khi áp đặt một lần nữa sức mạnh bản chất của cơ sở để thủ tiêu mọi tính khẳng định, bản chất không quay trở lại sự trừu tượng của quy định phản tư của *cơ sở* đơn thuần. Khi tự thủ tiêu, tự tiêu vong, sự vật không quay về với *vẻ ngoài* hay *ánh tượng* (*Schein*) đơn giản, không có sự bền vững mà trở thành nơi chôn đẽ bản chất thái hồi sự mờ đục của sự vật-đang hiện hữu. Nó sẽ là sự hiện hữu trực tiếp nhưng “*XUẤT-HIỆN RA*” (*er-scheint*), tức *xuyên thấu qua* sự hiện hữu, trực tiếp, để tạt cạn hết tính phủ định ghê gớm của bản chất. Từ đó, sự vật trở thành *HIỆN TƯỢNG* (*Erscheinung / phénomène*) của bản chất. Tiểu đoạn §131 sau đây sẽ cho một cái nhìn khái quát về phạm trù quan trọng này.

- Phần Nhận xét cho §130

Phần *Nhận xét* này khá sáng sủa, không cần bàn nhiều. Tuy nhiên, có mấy điểm đáng lưu ý:

- Trong sự vật (theo nghĩa lôgic), các chất liệu được thiết định đầy mâu thuẫn: vừa độc lập-tự tồn, vừa bị phủ định như đã thấy ở trên. Áp dụng vào sự vật (vật lý), các quy định này dẫn đến sự hình dung về “*tính rỗng xốp*” (*Porosität / porosity*) tương hỗ của những chất liệu khác nhau. Mỗi chất liệu là độc lập, vì chúng chỉ bị các chất liệu khác phủ định trong cái không phải là nó, tức trong sự trống rỗng (những “lỗ hổng”) của chúng, đồng thời bị phủ định vì các chất liệu khác thâm nhập vào những lỗ hổng đó. Theo Hegel, tất cả những sự hình dung (bằng biểu tượng) này của các khoa học thực nghiệm cũng như mọi phạm trù lôgic về “sự vật” thực ra không phải dựa vào cơ sở là kinh nghiệm mà là sản phẩm của *giác tính phản tư*, hay, cụ thể hơn, của các phạm trù *siêu hình học* cứng nhắc nhưng chứa đầy những sự mâu thuẫn mà chỉ có thể khắc phục được bằng sự vượt bỏ của lý tính trong sự phát triển cao hơn của Ý niệm Lôgic.